



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

BỘ MẪU HỢP ĐỒNG

0902251359



info@dichvucong.vn



<https://dichvuhanhchinhcong.vn/>



P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng,



Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN

Số:

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng Vận chuyển này được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN VẬN CHUYỂN (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN (BÊN B)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



ĐIỀU 1: HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN

1.1. Bên A thuê bên B vận chuyển những hàng hóa sau:....

1.2. Chất lượng hàng hóa:

- Bên A cam kết bảo quản và vận chuyển những hàng hóa trên đảm bảo đúng chất lượng, tính chất
- Bên A cần lưu ý bảo đảm cho bên B những loại hàng sau được an toàn:
 - a) Loại hàng cần giữ tươi sống:
 - b) Loại hàng cần bảo quản không để biến chất:
 - c) Loại hàng nguy hiểm cần che đậy hoặc để riêng:
 - d) Loại hàng dễ vỡ:
 - e) Loại hàng súc vật cần giữ sống bình thường:

1.3. Bên B cam kết hàng hóa được vận chuyển không phải hàng hóa cấm lưu thông hoặc hạn chế lưu thông trong nước

ĐIỀU 2: GIÁ VẬN CHUYỂN, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

2.1. **Giá cước vận chuyển:**

- Giá cước vận chuyển được tính trên trọng lượng hàng hóa và khoảng cách vận chuyển, đối với việc vận chuyển hàng hóa đặc biệt giá cước vận chuyển sẽ bao gồm cả giá đảm bảo an toàn hàng hóa.
- Giá cước vận chuyển được các bên thỏa thuận là:
- Giá cước vận chuyển trên không bao gồm các chi phí phát sinh khác trong quá trình vận chuyển. Các chi phí phát sinh khác sẽ được bên A báo cho bên B trước 5 ngày kể từ ngày hẹn nhận hàng. Và bên B phải phản hồi lại cho bên A trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên A

2.2. **Phương thức thanh toán:**

- Bên B sẽ thanh toán cho bên A bằng phương thức chuyển khoản hoặc tiền mặt.
- Nếu sử dụng phương thức chuyển khoản, bên B phải chuyển vào ngân hàng sau của bên A
- Người thụ hưởng/chủ tài khoản: ...

Số tài khoản: ...

Ngân hàng:



- Nếu sử dụng phương thức tiền mặt, bên A phải xuất phiếu thu tiền cho bên B có chữ ký của người đại diện hợp pháp của bên A

2.3. Thời hạn thanh toán:

Việc thanh toán sẽ được chia làm 2 đợt:

- Đợt 1: Ngay sau khi ký kết hợp đồng, bên B thanh toán cho bên A 50% giá trị hợp đồng
- Đợt 2: Sau khi nhận bàn giao hàng vận chuyển và ký xác nhận đủ số lượng chất lượng hàng hóa bên B thanh toán cho bên A 50% giá trị hợp đồng còn lại

ĐIỀU 3: ĐỊA ĐIỂM NHẬN HÀNG VÀ GIAO HÀNG

- 3.1. Địa điểm nhận hàng: Bên A đưa phương tiện đến nhận hàng tại kho hàng/xưởng sản xuất của Công ty: ...
- 3.2. Địa điểm giao hàng: Bên A giao hàng cho bên B tại địa chỉ:

ĐIỀU 4: PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

- 4.1. Số lượng phương tiện vận chuyển:....
- 4.2. Loại phương tiện vận chuyển: ...
- 4.3. Đặc điểm phương tiện: Có mái che, tốc độ phải đạt ... km/giờ, khoang chứa hàng có diện tích ..., xe vận chuyển phải sạch sẽ, vệ sinh
- 4.4. Bên A cam kết các phương tiện vận chuyển của mình đều đạt chuẩn theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Bên B. Bên A đảm bảo đầy đủ giấy tờ cho phương tiện đi lại hợp lệ trên tuyến giao thông đó để vận tải số hàng hóa đã thỏa thuận như trên và chịu mọi hậu quả về giấy tờ pháp lý của phương tiện vận tải.

ĐIỀU 5: GIAO NHẬN HÀNG KHÔNG ĐÚNG THỎA THUẬN

5.1. Không giao hàng đúng hạn

- Khi bên A đã điều xe vận chuyển đến kho nhận để nhận hàng đi giao mà bên giao hàng không giao được hàng thì rủi ro do không giao hàng đúng hạn sẽ do bên B chịu. Ngay khi bên A không được nhận hàng để vận chuyển đúng hạn, bên A phải thông báo ngay cho bên B biết để xử lý. Nếu quá 2 tiếng tính từ thời gian hạn nhận hàng mà vẫn không thể giao hàng vận chuyển cho bên A thì bên B phải chịu chi phí vận chuyển phát sinh khi bên A điều động xe đến nhận hàng. Chi phí này được các bên thỏa thuận là
- Trong trường hợp bên A không vận chuyển hàng đến đúng thời gian hạn với bên B mà không phải do lỗi của bên B thì bên A phải chịu chi phí kho bãi và thiệt hại phát sinh do giao hàng không đúng hạn. Chi phí này được các bên thỏa thuận là ...



5.2. Không nhận hàng đúng hạn

- Khi bên A không đến kho để nhận hàng đi giao đúng hạn, bên A sẽ phải chịu các chi phí phát sinh lưu kho bãi và các thiệt hại, rủi ro về hàng hóa nếu có. Các chi phí này được các bên thỏa thuận là ...
- Trường hợp bên A đã giao hàng đến địa chỉ nhận của bên B mà bên B không thể sắp xếp để nhận hàng hoặc nhận hàng trễ hơn quá 2 tiếng tính từ thời điểm giao hàng theo thỏa thuận thì bên B phải chịu chi phí kho bãi gửi tài sản và chi phí vận chuyển phát sinh do không nhận hàng đúng hạn. Chi phí này được các bên thỏa thuận là ...

5.3. Giao hàng không đúng số lượng

- Trường hợp bên A giao hàng cho bên B không đúng số lượng đã thỏa thuận mà không do lỗi của bên B thì bên A phải chịu trách nhiệm bằng giá trị hàng hóa bị thừa ra hoặc thiếu so với thỏa thuận. Giá hàng hóa này được các bên thỏa thuận là ...
- Nếu hao hụt theo quy định dưới mức % tổng số lượng hàng thì bên B không phải bồi thường.

5.4. Nhận hàng không đúng số lượng

Trường hợp bên A nhận hàng giao không đúng số lượng đã thỏa thuận thì bên A phải báo ngay cho bên B biết để giải quyết. Trong trường hợp hàng hóa nhận nhiều hơn dự kiến thì bên B phải chịu thêm phí vận chuyển cho số lượng hàng hóa phát sinh.

5.5. Giao hàng không đúng chất lượng

Khi bên A giao hàng, bên B phải cử nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm được giao. Nếu như hàng hóa không đúng chất lượng như đã cam kết mà không phải do lỗi của bên B thì bên A phải chịu trách nhiệm bằng giá trị lô hàng đó và bồi thường thiệt hại nếu có.

5.6. Nhận hàng không đúng chất lượng

Khi bên A nhận hàng giao không đúng chất lượng như mô tả của bên B về sản phẩm thì bên A phải thông báo ngay lập tức với bên B để giải quyết. Các chi phí phát sinh trong quá trình chờ đợi giải quyết sẽ do bên B chịu. Chi phí này các bên thỏa thuận là

5.7. Giao hàng không đúng chủng loại

Trường hợp bên A giao hàng không đúng chủng loại như đã cam kết với bên B mà không do lỗi của bên B thì bên A phải chịu trách nhiệm bằng giá trị lô hàng đó và bồi thường thiệt hại nếu có.



5.8. Nhận hàng không đúng chủng loại

Trường hợp bên A nhận hàng giao không đúng chủng loại như mô tả của bên B thì bên A phải thông báo ngay lập tức cho bên B để xử lý. Các chi phí phát sinh trong quá trình chờ đợi giải quyết sẽ do bên B chịu. Chi phí này các bên thỏa thuận là

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM XẾP DỠ HÀNG HÓA

- 6.1. Bên A có trách nhiệm xếp dỡ hàng hóa tại nơi nhận hàng và nơi giao hàng
- 6.2. Bên B có trách nhiệm trả chi phí xếp dỡ hàng hóa cho bên A
- 6.3. Xếp dỡ hư hỏng hàng hóa thì bên A phải chịu trách nhiệm với số hàng hóa bị hư hỏng và bồi thường thiệt hại nếu có trừ trường hợp việc xếp dỡ hư hỏng hàng hóa đó do lỗi của bên B
- 6.4. Chi phí xếp dỡ được các bên thỏa thuận là đồng/giờ (tấn)
- 6.5. Nếu cần xếp dỡ vào ban đêm, vào ngày lễ và ngày chủ nhật bên B phải báo trước cho bên A trước thời điểm nhận hàng giao và phải trả chi phí cao hơn giờ hành chính là đồng/giờ (tấn).

ĐIỀU 7: ĐĂNG KÝ BẢO HIỂM

- 7.1. Bên A phải mua bảo hiểm phương tiện vận tải
- 7.2. Bên B phải mua bảo hiểm với mỗi lô hàng vận tải

ĐIỀU 8: GIẤY TỜ XÁC NHẬN VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

- 8.1. Khi nhận hàng giao bên A phải yêu cầu bên giao cung cấp giấy xác nhận giao hàng trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm, số lượng, loại hàng, chất lượng hàng giao và có chữ ký xác nhận của người quản lý hàng giao.
- 8.2. Khi bên A giao hàng cho bên B thì việc giao hàng chỉ xác nhận là hoàn thành khi người quản lý nhận hàng ký xác nhận đã nhận đầy đủ, chất lượng, loại hàng đã thỏa thuận.

ĐIỀU 9: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VẬN CHUYỂN

9.1. Nghĩa vụ của bên A:

- Bảo đảm vận chuyển hàng hóa đầy đủ, an toàn đến địa điểm đã định, theo đúng thời hạn;
- Trả tài sản cho người có quyền nhận;
- Chịu chi phí liên quan đến việc chuyên chở tài sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;
- Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật;



- Bồi thường thiệt hại cho bên B trong trường hợp bên A để mất mát, hư hỏng tài sản do lỗi của mình, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

9.2. Quyền của bên A:

- Kiểm tra sự xác thực của tài sản, của vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương khác;
- Từ chối vận chuyển tài sản không đúng với loại tài sản đã thoả thuận trong hợp đồng;
- Yêu cầu bên B thanh toán đủ cước phí vận chuyển đúng thời hạn;
- Từ chối vận chuyển tài sản cấm giao dịch, tài sản có tính chất nguy hiểm, độc hại, nếu bên A biết hoặc phải biết;
- Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại

ĐIỀU 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN

10.1. Nghĩa vụ của bên B:

- Trả đủ tiền cước phí vận chuyển cho bên A theo đúng thời hạn, phương thức đã thoả thuận;
- Trông coi tài sản trên đường vận chuyển, nếu có thoả thuận. Trong trường hợp bên B trông coi tài sản mà tài sản bị mất mát, hư hỏng thì không được bồi thường.
- Bên B phải bồi thường thiệt hại cho bên A và người thứ ba về thiệt hại do tài sản vận chuyển có tính chất nguy hiểm, độc hại mà không có biện pháp đóng gói, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển.

10.2. Quyền của bên B :

- Yêu cầu bên A chuyên chở tài sản đến đúng địa điểm, thời điểm đã thoả thuận;
- Trực tiếp hoặc chỉ định người thứ ba nhận lại tài sản đã thuê vận chuyển;
- Yêu cầu bên A bồi thường thiệt hại.



ĐIỀU 11: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 11.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.
- 11.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt lên đến 8% (tám phần trăm) giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 12: ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 12.1. Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên B không thực hiện thanh toán đúng hạn hoặc không phản hồi trong thời hạn thỏa thuận về chi phí phát sinh mà bên A đã thông báo.
- 12.2. Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu nhận thấy hàng hóa giao nhận không đúng theo thỏa thuận được ghi trong hợp đồng này nếu đã thông báo với bên B mà bên B không phản hồi hoặc không đưa ra giải quyết phù hợp.
- 12.3. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A giao hàng không đúng theo thỏa thuận mà không có thông báo trước cho bên B
- 12.4. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng, nếu có thiệt hại xảy ra thì bên vi phạm phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu có

ĐIỀU 13: BẤT KHẢ KHÁNG

- 13.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép
- 13.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 14: SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 15: THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này trước tiên phải thông qua gọi điện trao đổi giữa các bên, nếu không thể gọi điện thì phải gửi tin nhắn và email hoặc văn bản thông báo đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.



ĐIỀU 16: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng lao động sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 17: HIỆU LỰC

17.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 13 hợp đồng này.

17.2. Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 18: ĐIỀU KHOẢN CUỐI

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện

BÊN VẬN CHUYỂN

BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VAY TÀI SẢN

Số:

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng vay tài sản này nay được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN CHO VAY (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN VAY CHUYỂN (BÊN B)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG VAY



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

- Tài sản vay: ...
- Chung loại tài sản: ...
- Số lượng tài sản: ...
- Chất lượng: ...

ĐIỀU 2. KỲ HẠN VAY

- Kỳ hạn hợp đồng vay là ... tháng, kể từ ngày

ĐIỀU 3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG TÀI SẢN VAY

- Bên B sử dụng tài sản vay để:

ĐIỀU 4. LÃI SUẤT VAY

Thời điểm tính lãi suất, kể từ ngày .../ .../ ...

Mức lãi suất là: 20%/ Năm

ĐIỀU 5. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC GIAO TÀI SẢN VAY

5.1. Thời gian giao tài sản vay

- Bên A sẽ giao tài sản vay cho bên B ngay sau khi các bên ký (đóng dấu) đầy đủ vào hợp đồng này

5.2. Địa điểm giao tài sản vay

- Bên A sẽ giao tài sản vay cho bên B tại địa chỉ:

5.3. Phương thức giao tài sản vay

- Bên A sẽ giao tài sản vay trực tiếp cho bên B

ĐIỀU 6. THỜI HẠN, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC TRẢ TÀI SẢN VAY

6.1. Thời gian trả tài sản vay

- Bên B sẽ trả tài sản vay cho Bên A vào ngày ...

6.2. Địa điểm trả tài sản vay

- Bên B sẽ trả tài sản vay cho Bên A vào ngày ...

6.3. Phương thức trả tài sản vay

- Bên B sẽ trả tài sản vay trực tiếp cho Bên A

ĐIỀU 7. QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI TÀI SẢN VAY

- Bên B trở thành chủ sở hữu tài sản vay kể từ thời điểm nhận tài sản đó.



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

8.1. Quyền và nghĩa vụ của bên cho vay

- Giao tài sản cho bên B đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng theo đúng thời hạn, địa điểm và phương thức đã thỏa thuận tại hợp đồng này.
- Cung cấp thông tin cần thiết cho bên B biết rõ về tình trạng, cũng như các khuyết tật của tài sản cho vay (nếu có), khi giao tài sản cho bên B.
- Kiểm tra việc sử dụng tài sản vay của bên B và có quyền đòi lại tài sản vay trước thời hạn nếu đã nhắc nhở mà bên B vẫn sử dụng tài sản trái mục đích.
- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

8.2. Quyền và nghĩa vụ của bên vay

Trả tài sản vay cho bên A đầy đủ, đúng chủng loại, chất lượng, số lượng theo đúng thời hạn, địa điểm và phương thức đã thỏa thuận tại hợp đồng này.

Trả lãi suất vay tài sản cho bên A theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng này.

Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

ĐIỀU 9. CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

9.1. Bên A cam đoan:

Thông tin về nhân thân, tài sản cho vay ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;

Tài sản cho vay thuộc trường hợp được cho vay theo quy định của pháp luật;

Tại thời điểm giao kết hợp đồng này: Tài sản cho vay không có tranh chấp; Tài sản cho vay không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.

9.2. Bên B cam đoan:

Những thông tin về nhân thân ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;

Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản vay tại Điều 1 của hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản (nếu có);

Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.

ĐIỀU 10. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

10.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.

10.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt lên đến 200% (hai trăm phần trăm) giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 11. CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Khi các Bên thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này.
- Khi một Bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng này dẫn đến Hợp đồng không thể thực hiện được thì phía Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- Hợp đồng có thể được chấm dứt do sự thỏa thuận của các Bên.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 12 BẤT KHẢ KHÁNG

12.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép

12.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 13. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 14. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 15. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 16. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

16.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 10 hợp đồng này.

16.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 17. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

BÊN VAY

BÊN CHO VAY



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ

Số:

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng cung ứng dịch vụ này được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN CUNG ỨNG DỊCH VỤ (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (BÊN B)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



ĐIỀU 1. DỊCH VỤ CUNG CẤP

Bên A cam kết hỗ trợ Bên B thực hiện dịch vụ :(nội dung dịch vụ)

ĐIỀU 2. THỜI HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được thực hiện kể từ ngày .../.../....

Thời gian dự kiến hoàn thành công việc là ... ngày, kể từ ngày hợp đồng bắt đầu được thực hiện

ĐIỀU 3. THANH TOÁN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Thanh toán: Các bên thỏa thuận số tiền thực hiện dịch vụ là ... đồng (Bằng chữ:)

Chi phí trên đã bao gồm% tiền thuế giá trị gia tăng

3.2. Phương thức thanh toán:

- Tiền công thực hiện dịch vụ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt

- Thông tin chuyển khoản:

+ Người thụ hưởng:

+ Tài khoản: ...

+ Ngân hàng: ...

- Nếu thực hiện bằng phương thức thanh toán tiền mặt, Bên A phải có phiếu thu gửi cho Bên B giữ trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm, số tiền đã nhận và có chữ ký của các bên giao nhận tiền.

- Việc thanh toán sẽ được chia làm 2 đợt:

Đợt 1: Bên B thanh toán 70% phí dịch vụ cho Bên A sau khi hai bên cùng ký hợp đồng này

Đợt 2: Bên B thanh toán 30% phí dịch vụ còn lại sau khi hợp đồng hoàn thành và có giấy đề nghị thanh toán của Bên A

3.3. Chi phí khác

- Phí dịch vụ trên chưa bao gồm các chi phí khác có thể phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ, các chi phí này bao gồm nhưng không giới hạn phí vận chuyển, phí công chứng chứng thực, phí cơ quan nhà nước ,....

- Các chi phí khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả khi Bên A xuất trình hóa đơn chứng từ có liên quan.



ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ

4.1. Quyền của bên sử dụng dịch vụ

- Yêu cầu Bên A thực hiện công việc theo đúng thỏa thuận
- Trường hợp Bên A vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại

4.2. Nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ

- Cung cấp cho Bên A thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc, nếu có thỏa thuận hoặc việc thực hiện công việc đó đòi hỏi
- Cung cấp kịp thời các kế hoạch, chỉ dẫn và những chi tiết khác để việc cung ứng dịch vụ được thực hiện không bị trì hoãn hay gián đoạn;
- Hợp tác trong tất cả những vấn đề cần thiết khác để Bên A có thể cung ứng dịch vụ một cách thích hợp
- Trường hợp một dịch vụ do nhiều bên cung ứng dịch vụ cùng tiến hành hoặc phối hợp với bên cung ứng dịch vụ khác, Bên B có nghĩa vụ điều phối hoạt động của các bên cung ứng dịch vụ để không gây cản trở đến công việc của bất kỳ bên cung ứng dịch vụ nào.
- Trả tiền dịch vụ cho Bên A theo thỏa thuận tại hợp đồng này
- Trong trường hợp Bên B muốn thay đổi nội dung trong quá trình cung ứng dịch vụ thì Bên B phải chịu những chi phí hợp lý cho việc thực hiện những yêu cầu thay đổi của mình

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ

5.1. Quyền của bên cung cấp dịch vụ

- Yêu cầu Bên B cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện để thực hiện công việc
- Được thay đổi điều kiện dịch vụ vì lợi ích của Bên B mà không nhất thiết phải chờ ý kiến của Bên B nếu việc chờ ý kiến sẽ gây thiệt hại cho Bên B, nhưng phải báo ngay cho Bên B
- Yêu cầu Bên B trả tiền dịch vụ

5.2. Nghĩa vụ của bên cung cấp dịch vụ

- Thực hiện công việc đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng
- Không được giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên B



- Bảo quản và phải giao lại cho Bên B tài liệu và phương tiện được giao sau khi hoàn thành công việc (nếu có)
- Báo ngay cho Bên B về việc thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc
- Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong thời gian thực hiện công việc.
- Trong quá trình cung ứng dịch vụ, Bên A phải tuân thủ những yêu cầu hợp lý của Bên B liên quan đến những thay đổi trong quá trình cung ứng dịch vụ.
- Sau khi hết thời hạn hoàn thành việc cung ứng dịch vụ mà dịch vụ vẫn chưa hoàn thành, nếu Bên B không phản đối thì Bên A phải tiếp tục cung ứng theo nội dung đã thỏa thuận và phải bồi thường thiệt hại nếu có.

ĐIỀU 6. ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

6.1. Trường hợp việc tiếp tục thực hiện hợp đồng không có lợi cho bên B thì Bên B có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, nhưng phải báo cho Bên A biết trước 20 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hợp đồng, Bên B phải trả tiền công theo phần dịch vụ mà Bên A đã thực hiện và bồi thường thiệt hại cho Bên A nếu Bên A phát sinh thiệt hại từ việc chấm dứt hợp đồng

6.2. Trường hợp Bên B vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại

ĐIỀU 7. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

7.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.

7.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt bằng 8% giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

8.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép

8.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về



khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 10. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 12. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 6 hợp đồng này.

12.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

- **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
- **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ

Số:

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng đại lý này được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN GIAO ĐẠI LÝ (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN ĐẠI LÝ (BÊN B)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG ĐẠI LÝ

1.1. Bên B nhận làm đại lý bao tiêu/độc quyền/tổng đại lý cho Bên A các sản phẩm.....mang nhãn hiệu:và theo đăng ký chất lượng số:.....do Bên A sản xuất và kinh doanh.

1.2. Sản phẩm đại lý

STT	TÊN SẢN PHẨM	CÔNG DỤNG	SỐ LƯỢNG	CHẤT LƯỢNG
...

ĐIỀU 2. THỜI HẠN GIAO HÀNG VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG

2.1. Bên A giao hàng đến cửa kho của Bên B hoặc tại địa điểm thuận tiện do Bên B chỉ định. Bên B đặt hàng với số lượng, loại sản phẩm cụ thể...../.....bằng thư, fax, điện tính.

2.2. Chi phí xếp dỡ từ xe vào kho của Bên B do Bên B chi trả (kể cả chi phí lưu xe do xếp dỡ chậm).

2.3. Số lượng hàng hóa thực tế Bên A cung cấp cho bên B có thể chênh lệch với đơn đặt hàng nếu Bên A xét thấy đơn đặt hàng đó không hợp lý. Khi đó hai bên phải có sự thỏa thuận về khối lượng, thời gian cung cấp.

2.4. Thời gian giao hàng:.....

2.5. Bên B tự trang bị cơ sở vật chất, địa điểm kinh doanh, kho bãi và hoàn toàn chịu trách nhiệm tất cả hàng hóa đã giao trong việc tồn trữ, trưng bày, vận chuyển. Bên B bảo đảm thực hiện đúng các biện pháp tồn trữ, giữ được phẩm chất hàng hóa như Bên A đã cung cấp, đến khi giao cho người tiêu thụ. Bên A không chấp nhận hoàn trả hàng hóa do bất kỳ lý do gì (ngoại trừ trường hợp có sai sót về sản phẩm).

ĐIỀU 3. THANH TOÁN

3.1. Giá thanh toán

Việc thanh toán sẽ được tiến hành theo từng đợt sau khi Bên B xác nhận đã nhận được lô hàng Bên A giao.

Các bên thỏa thuận giá lô hàng là: VNĐ (Bằng chữ: ... Việt Nam đồng)

3.2. Phương thức thanh toán

Bên B sẽ thanh toán giá trị lô hàng bằng phương thức chuyển khoản đến số tài khoản của Bên A.

Số tài khoản của Bên A là: Ngân hàng Số tài khoản ... Chủ tài khoản ...



Trong trường hợp Bên B thanh toán bằng tiền mặt, Bên A sẽ phải viết phiếu thu cho Bên B, phiếu thu phải bao gồm thời gian, địa điểm, số tiền đã bàn giao và đại diện hợp pháp của các bên ký đóng dấu trong phiếu thu xác nhận đã nhận tiền đầy đủ.

3.3. Thời hạn thanh toán

Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 100% giá trị lô hàng kể từ thời điểm Bên B nhận được sản phẩm

ĐIỀU 4. ƯU ĐÃI VỀ GIÁ ĐẠI LÝ VÀ THÙ LAO ĐẠI LÝ

4.1. Các sản phẩm cung cấp cho Bên B được tính theo giá bán sỉ, do Bên A công bố thống nhất trong khu vực. Trong trường hợp Bên A không ấn định giá bán, Bên B có quyền được quyết giá bán và hưởng chênh lệch giá.

4.2. Một số sản phẩm sẽ được Bên A ấn định giá bán trong trường hợp đó Bên B sẽ được hưởng hoa hồng tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán sản phẩm đại lý. Các sản phẩm bán theo hình thức này sẽ được Bên A thông báo cho Bên B trước khi nhập hàng.

4.2. Giá cung cấp này có thể thay đổi theo thời gian nhưng Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B ít nhất làngày. Bên A không chịu trách nhiệm về sự chênh lệch giá trị tồn kho do chênh lệch giá nếu có xảy ra.

3. Tỷ lệ hoa hồng:

ĐIỀU 5. BẢO HÀNH

Bên A bảo hành riêng biệt cho từng sản phẩm cung cấp cho Bên B trong trường hợp bên B tiến hành việc tồn trữ, vận chuyển, hướng dẫn sử dụng và giám sát, nghiệm thu đúng với nội dung đã huấn luyện và phổ biến của Bên A.

ĐIỀU 6. HỖ TRỢ

6.1. Bên A cung cấp cho Bên B các tư liệu thông tin để quảng cáo sản phẩm

6.2. Bên A hướng dẫn cho nhân viên của Bên B những kỹ thuật cơ bản để có thể thực hiện việc bảo quản đúng cách.

6.3. Mọi hoạt động quảng cáo do Bên B tự thực hiện, nếu có sử dụng đến logo hay nhãn hiệu hàng hóa của Bên A phải được sự đồng ý của Bên A.

ĐIỀU 7. ĐỘC QUYỀN (trong trường hợp không phải đại lý độc quyền)

7.1. Hợp đồng này không mang tính độc quyền trên khu vực.

7.2. Bên A có thể triển khai ký thêm hợp đồng tổng đại lý với thể nhân khác nếu xét thấy cần thiết để tăng khả năng tiêu thụ hàng hóa của mình.



7.3. Bên A cũng có thể ký kết hợp đồng cung cấp sản phẩm trực tiếp cho các công trình trọng điểm bất cứ nơi nào.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN GIAO ĐẠI LÝ

8.1. Quyền của Bên A

- ấn định giá mua, giá bán hàng hoá, giá cung ứng dịch vụ đại lý cho khách hàng;
- Ấn định giá giao đại lý;
- Yêu cầu Bên B thực hiện biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu Bên B thanh toán tiền hoặc giao hàng theo hợp đồng đại lý;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng của Bên B.

8.2. Nghĩa vụ của Bên A

- Hướng dẫn, cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Bên B thực hiện hợp đồng đại lý;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa
- Trả thù lao và các chi phí hợp lý khác cho Bên B;
- Hoàn trả cho Bên B tài sản dùng để bảo đảm (nếu có) khi kết thúc hợp đồng đại lý;
- Liên đới chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm pháp luật của Bên B, nếu nguyên nhân của hành vi vi phạm pháp luật đó có một phần do lỗi của mình gây ra.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN ĐẠI LÝ

9.1. Quyền của Bên B

- Bên B được quyền giao kết hợp đồng đại lý với một hoặc nhiều bên giao đại lý.
- Bên B có quyền yêu cầu Bên A giao hàng hoặc tiền theo hợp đồng đại lý; nhận lại tài sản dùng để bảo đảm (nếu có) khi kết thúc hợp đồng đại lý;
- Bên B có quyền yêu cầu Bên A hướng dẫn, cung cấp thông tin và các điều kiện khác có liên quan để thực hiện hợp đồng đại lý;
- Quyết định giá bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho khách hàng trong trường hợp Bên A không ấn định giá bán sản phẩm
- Hưởng thù lao, các quyền và lợi ích hợp pháp khác do hoạt động đại lý mang lại.

9.2. Nghĩa vụ của Bên B

- Mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho khách hàng theo giá hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ do Bên A ấn định;
- Thực hiện đúng các thỏa thuận về giao nhận tiền, hàng;



- Thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật;
- Bảo quản hàng hoá sau khi nhận, liên đới chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa; dịch vụ trong trường hợp có lỗi do mình gây ra;
- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên A và báo cáo tình hình hoạt động đại lý với Bên A;

ĐIỀU 10. THỜI HẠN ĐẠI LÝ

10.1. Thời hạn đại lý chỉ chấm dứt sau một thời gian hợp lý nhưng không sớm hơn sáu mươi ngày, kể từ ngày một trong hai bên thông báo bằng văn bản cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng đại lý.

10.2. Nếu Bên A thông báo chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 10.1 Điều này thì Bên B có quyền yêu cầu Bên A bồi thường một khoản tiền cho thời gian mà mình đã làm đại lý cho Bên A đó.

10.3. Giá trị của khoản bồi thường là một tháng thù lao đại lý trung bình trong thời gian nhận đại lý cho mỗi năm mà Bên B làm đại lý cho Bên A. Trong trường hợp thời gian đại lý dưới một năm thì khoản bồi thường được tính là một tháng thù lao đại lý trung bình trong thời gian nhận đại lý.

10.4. Trường hợp hợp đồng đại lý được chấm dứt trên cơ sở yêu cầu của Bên B thì bên đại lý không có quyền yêu cầu Bên A bồi thường cho thời gian mà mình đã làm đại lý cho Bên A.

ĐIỀU 11. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

11.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.

11.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt lên đến 200% (hai trăm phần trăm) giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 12. BẤT KHẢ KHÁNG

12.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép

12.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo



về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 13. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 14. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 15. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 16. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

16.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực theo quy định pháp luật

16.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 17. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

BÊN GIAO ĐẠI LÝ
(BÊN A)

BÊN ĐẠI LÝ
(BÊN B)





DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

- **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
- **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ

Số:

Căn cứ:

- *Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng Vận chuyển này được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN CHO THUÊ (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN THUÊ (BÊN B)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



ĐIỀU 1. TÀI SẢN CHO THUÊ

1.1. Bên A là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản theo giấy chứng nhận mã số ... đồng ý cho Bên B thuê lại tài sản của mình.

1.2. Đặc điểm của tài sản

-

1.3. Mục đích, công dụng của tài sản thuê

- Bên B sử dụng tài sản thuê để

ĐIỀU 2. GIÁ, THỜI HẠN THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Giá thuê

- Giá thuê được các bên thống nhất là .../tháng

- Giá thuê có thể tăng giảm theo tình hình thị trường, khi muốn thay đổi giá thuê, Bên A phải gửi thông báo đến Bên B để các bên đàm phán lại giá thuê. Trong trường hợp Bên B không đồng ý giá thuê mới, Bên B có thể hủy hợp đồng mà không phải chịu bất cứ hậu quả pháp lý nào.

2.2. Thời hạn thuê

- Thời hạn thuê là ... tháng

- Thời hạn thuê sẽ được gia hạn theo thỏa thuận của các bên. Trong trường hợp các bên thống nhất gia hạn hợp đồng, hai bên sẽ ký tiếp một bản phụ lục gia hạn hợp đồng.

2.3. Phương thức thanh toán

- Tiền thuê được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt mỗi (03) tháng/lần vào đầu mỗi kỳ thanh toán

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 20 ngày sau khi nhận được Giấy đề nghị thanh toán

- Thông tin chuyển khoản:

+ Người thụ hưởng:

+ Tài khoản: ...

+ Ngân hàng: ...

- Nếu trong vòng 20 ngày kể từ ngày Bên B nhận được Giấy đề nghị thanh toán mà Bên B vẫn chưa trả tiền cho Bên A thì phải chịu mức phạt chậm thanh toán cho số tiền chậm trả bằng lãi suất không thời hạn theo quy định của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Kể từ ngày chậm trả tiền nêu trên, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê mà không phải chịu bất cứ hậu quả pháp lý nào. Trong



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn

• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

trường hợp Bên A lựa chọn chấm dứt hợp đồng, Bên B vẫn phải thanh toán tiền lãi phạt chậm trả đến thời hạn Bên A ra thông báo chấm dứt hợp đồng. Nếu trong trước thời hạn chấm dứt hợp đồng mà Bên A đã thông báo, mà Bên B kịp thời thanh toán đủ tiền thuê và tiền phạt tính đến thời hạn chấm dứt hợp đồng thì Bên A không còn quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo điều khoản này và cả bên vẫn tiếp tục thực hiện theo hợp đồng này.

ĐIỀU 3. GIAO TÀI SẢN THUÊ

3.1. Thời gian, địa điểm giao tài sản

- Các bên thỏa thuận thời gian giao tài sản là vào ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

- Địa điểm giao tài sản là

3.1. Bên A phải giao tài sản cho Bên B đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, tình trạng, thời gian, địa điểm đã thỏa thuận và cung cấp thông tin cần thiết về việc sử dụng tài sản đó.

3.2. Trường hợp Bên A chậm giao tài sản thì Bên B có thể gia hạn giao tài sản hoặc hủy bỏ hợp đồng. Nếu Bên B lựa chọn gia hạn giao tài sản mà Bên A vẫn không thể giao đúng hạn được gia hạn thì Bên A sẽ phải chịu phạt vi phạm 8% giá trị hợp đồng này.

3.3. Trường hợp tài sản thuê được giao không đúng chất lượng, số lượng, chủng loại, tình trạng như đã thỏa thuận thì Bên B có quyền yêu cầu Bên A sửa chữa, khắc phục, giảm giá thuê hoặc hủy bỏ hợp đồng.

ĐIỀU 4. CHO THUÊ LẠI TÀI SẢN

Bên B có quyền cho thuê lại tài sản mà mình đã thuê nếu được Bên A đồng ý bằng văn bản.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN THUÊ

5.1. Bên B có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền thuê theo thỏa thuận

5.2. Bên B phải bảo quản tài sản thuê, phải bảo dưỡng và sửa chữa tài sản thuê, nếu làm mất, hư hỏng thì phải bồi thường

5.3. Bên B không chịu trách nhiệm về những hao mòn tự nhiên do sử dụng tài sản thuê

5.4. Bên B có thể tu sửa và làm tăng giá trị tài sản thuê, nếu được bên A đồng ý và có quyền yêu cầu Bên A thanh toán chi phí hợp lý.

5.5. Bên B phải sử dụng tài sản thuê theo đúng mục đích, công dụng như đã thông báo với Bên A.

5.6. Bên B phải chịu rủi ro đối với tài sản thuê trong thời gian chậm trả tiền thuê



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn

• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

5.7. Trong trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản thuê mà dẫn đến Bên B không được sử dụng tài sản ổn định thì Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO THUÊ

6.1. Bên A phải đảm bảo tài sản thuê trong tình trạng như đã thỏa thuận, phù hợp với mục đích thuê trong suốt thời gian cho thuê.

6.2. Trường hợp tài sản thuê bị giảm sút giá trị sử dụng mà không do lỗi của Bên B thì Bên B thì bên A có nghĩa vụ sửa chữa tài sản hoặc giảm giá thuê hoặc đổi tài sản khác

6.3. Bên A có nghĩa vụ đảm bảo quyền sử dụng tài sản ổn định cho Bên B

6.4. Bên A có nghĩa vụ thanh toán chi phí hợp lý nếu Bên B tu sửa và làm tăng giá trị tài sản thuê

6.5. Trường hợp Bên B sử dụng tài sản không đúng mục đích, công dụng đã thỏa thuận thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này.

6.6. Trường hợp Bên B chậm thanh toán tiền thuê thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B trả lại tài sản, trả tiền thuê tài sản, tiền phạt chậm trả và có quyền chấm dứt hợp đồng như đã thỏa thuận.

ĐIỀU 7. BẢO DƯỠNG, BẢO QUẢN, SỬA CHỮA TÀI SẢN THUÊ

7.1. Bên B có nghĩa vụ bảo dưỡng tài sản thuê mỗi 6 tháng tính từ thời điểm thuê tài sản

7.2. Bên B phải bảo quản tài sản đúng trạng thái khi giao tài sản trừ trường hợp tài sản được sửa đổi để tăng tính năng đã được sự đồng ý của Bên A hoặc tài sản bị hao mòn tự nhiên hoặc bị tổn hại không do lỗi của Bên B

7.3. Bên B có trách nhiệm sửa chữa tài sản thuê do những thiệt hại mà mình gây ra cho tài sản.

7.4. Trong trường hợp tài sản không còn giữ được tính năng, trạng thái ban đầu do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường cho Bên A 70% giá tài sản gốc tính tại thời điểm mua tài sản.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

8.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.

8.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt bằng 8% giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm



còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 9. CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Khi các Bên thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này.
- Khi một Bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng này dẫn đến Hợp đồng không thể thực hiện được thì phía Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- Hợp đồng có thể được chấm dứt do sự thỏa thuận của các Bên.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

10.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép

10.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 11. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 12. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 13. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 14. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

14.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 9 hợp đồng này.



14.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

Số:

Căn cứ:

- *Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng gia công này được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN GIA CÔNG (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN THUÊ GIA CÔNG (BÊN B)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



ĐIỀU 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1.1. Gia công sản phẩm: Bên A nhận sản xuất sản phẩm thuộc sở hữu và độc quyền phân phối của Bên B.

1.2. Chất lượng sản phẩm: Bên A nhận gia công sản xuất sản phẩm của Bên B với chất lượng do Bên B yêu cầu đặt hàng, Bên A phải đảm bảo sản xuất ra các sản phẩm đạt chất lượng theo yêu cầu của Bên B và các lô hàng thành phẩm sau khi sản xuất được Bên B nghiệm thu về số lượng, chất lượng trước khi đồng ý tiếp nhận, xuất kho. Khi hàng hóa đã lưu thông trên thị trường thì chất lượng sản phẩm hàng hóa do Bên B chịu trách nhiệm, Bên A sẽ phối hợp với Bên B giải quyết các vấn đề về chất lượng khi có phát sinh.

ĐIỀU 2. QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI SẢN PHẨM

Bên B là chủ sở hữu của các sản phẩm và nhãn hiệu hàng hóa mà Bên B thuê Bên A gia công sản xuất. Mọi quy định liên quan tới quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa của Bên B tuân theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ. Sau khi sản phẩm lưu hành trên thị trường nếu có bất kỳ tranh chấp, khiếu kiện nào liên quan đến nhãn hiệu hàng hóa, Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm giải quyết.

ĐIỀU 3. THANH TOÁN

3.1. Giá gia công

- Chi phí sản xuất sản phẩm được các bên thỏa thuận là/sản phẩm.
- Khi có biến động về giá nguyên phụ liệu, hai bên thống nhất tính lại giá thành sản phẩm và đưa ra mức giá tại thời điểm biến động. Sự biến động này sẽ được Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản trước khi tiến hành sản xuất lô hàng tiếp theo ít nhất 10 ngày.

3.2. Thời hạn thanh toán

Đợt 1: Bên A đặt cọc 30% sau khi Bên B xác nhận đơn đặt hàng

Đợt 2: Trong vòng 10 ngày trước khi chuẩn bị nhận toàn bộ lô hàng bên A thanh toán tiếp 30% giá trị đơn hàng

Đợt 3: Trong vòng 10 ngày kể từ khi xác nhận nhận đủ hàng Bên A thanh toán nốt 40% giá trị đơn hàng còn lại

ĐIỀU 4. GIAO HÀNG VÀ VẬN CHUYỂN

4.1. Số lượng

- Bên A có trách nhiệm giao hàng đúng số lượng theo đơn đặt hàng
- Chất lượng sản phẩm phải đạt tiêu chuẩn theo cam kết về chất lượng sản phẩm và mẫu sản phẩm mà Bên B đã xác nhận



- Nếu quá hạn nhận hàng 60 ngày mà Bên B vẫn không làm thủ tục nhận hàng thì bên A sẽ có công văn thông báo nhận hàng và tính phí lưu kho bằng 8% giá trị hợp đồng/tháng

4.2. Thời hạn giao hàng

Bên A cam kết giao hàng cho Bên B trong thời hạn tối đa 45 ngày đối với lô sản xuất đầu tiên và 30 ngày đối với lô hàng tiếp theo kể từ ngày nhận đơn đặt hàng và nhận được tiền đặt cọc của bên B

4.3. Địa điểm giao hàng

- Bên A sẽ giao hàng đến kho của Bên B tại địa chỉ:

4.4. Chi phí vận chuyển và bốc xếp hàng hóa

- Chi phí vận chuyển hàng hóa sẽ do Bên B chịu nếu việc vận chuyển phải thuê bên trung gian vận chuyển hàng

- Chi phí bốc xếp hàng hóa tại kho bên nào bên đấy chịu

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN GIA CÔNG

5.1. Quyền của bên gia công

- Bên A có quyền yêu cầu bên B giao nguyên vật liệu đúng chất lượng, số lượng, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

- Từ chối sự chỉ dẫn không hợp lý của bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu thấy chỉ dẫn đó có thể làm giảm chất lượng sản phẩm, nhưng phải báo ngay cho bên B.

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền công theo đúng thời hạn và phương thức đã thỏa thuận.

5.2. Nghĩa vụ của bên gia công

- Bên A có nghĩa vụ hỗ trợ Bên B hoàn tất các thủ tục công bố, đăng ký để có thể lưu hành sản phẩm theo quy định của pháp luật

- Bảo quản nguyên vật liệu do bên B cung cấp.

- Báo cho bên B biết để đổi nguyên vật liệu khác, nếu nguyên vật liệu không bảo đảm chất lượng

- Từ chối thực hiện gia công, nếu biết hoặc phải biết việc sử dụng nguyên vật liệu có thể tạo ra sản phẩm nguy hại cho xã hội.

- Giao sản phẩm cho bên B đúng số lượng, chất lượng, phương thức, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

- Giữ bí mật thông tin về quy trình gia công và sản phẩm tạo ra.



- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, trừ trường hợp sản phẩm không bảo đảm chất lượng do nguyên vật liệu mà bên B cung cấp hoặc do sự chỉ dẫn không hợp lý của bên B.

- Hoàn trả nguyên vật liệu còn lại cho bên B sau khi hoàn thành hợp đồng.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN THUÊ GIA CÔNG

6.1. Quyền của bên thuê gia công

- Nhận sản phẩm gia công theo đúng số lượng, chất lượng, phương thức, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

- Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại khi bên A vi phạm nghiêm trọng hợp đồng.

- Trường hợp sản phẩm không bảo đảm chất lượng mà bên B đồng ý nhận sản phẩm và yêu cầu sửa chữa nhưng bên A không thể sửa chữa được trong thời hạn thỏa thuận thì bên B có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

6.2. Nghĩa vụ của bên thuê gia công

- Cung cấp nguyên vật liệu theo đúng số lượng, chất lượng, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận cho bên A;

- Cung cấp giấy tờ cần thiết liên quan đến việc gia công.

- Chỉ dẫn cho bên A thực hiện hợp đồng.

- Trả tiền công theo đúng thỏa thuận.

ĐIỀU 7. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM

7.1. Bên A cam đoan xưởng sản xuất của mình có đủ điều kiện để sản xuất sản phẩm ... theo quy định của pháp luật

7.2. Bên B cam đoan chịu trách nhiệm về quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm

7.3. Các bên cam đoan các thông tin mình cung cấp cho đối phương về doanh nghiệp, sản phẩm, xưởng sản xuất và các thông tin khác có liên quan đến hợp đồng này là chính xác.

ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM CHỊU RỦI RO

8.1. Cho đến khi giao sản phẩm cho bên B, bên nào là chủ sở hữu của nguyên vật liệu thì phải chịu rủi ro đối với nguyên vật liệu hoặc sản phẩm được tạo ra từ nguyên vật liệu đó.

8.2. Khi bên B chậm nhận sản phẩm thì phải chịu rủi ro trong thời gian chậm nhận, kể cả trong trường hợp sản phẩm được tạo ra từ nguyên vật liệu của bên A.



8.3. Khi bên A chậm giao sản phẩm mà có rủi ro đối với sản phẩm gia công thì phải bồi thường thiệt hại xảy ra cho bên B.

ĐIỀU 9. CHẬM GIAO, CHẬM NHẬN SẢN PHẨM GIA CÔNG

1. Trường hợp bên A chậm giao sản phẩm thì bên B có thể gia hạn; nếu hết thời hạn đó mà bên A vẫn chưa hoàn thành công việc thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.
2. Trường hợp bên B chậm nhận sản phẩm thì bên A có thể gửi sản phẩm đó tại nơi nhận gửi giữ và phải báo ngay cho bên B. Nghĩa vụ giao sản phẩm hoàn thành khi đáp ứng được các điều kiện đã thỏa thuận và bên B đã được thông báo. Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh từ việc gửi giữ.

ĐIỀU 10. ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

- 10.1. Mỗi bên đều có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công, nếu việc tiếp tục thực hiện hợp đồng không mang lại lợi ích cho mình, nhưng phải báo cho bên kia biết trước 30 ngày kể từ thời điểm muốn chấm dứt hợp đồng.
- 10.2. Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì phải trả tiền công tương ứng với công việc đã làm. Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì không được trả tiền công.
- 10.3. Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mà gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường

ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG

- 11.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép
- 11.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 12. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 13. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 14. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP



Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 15. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

15.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 10 hợp đồng này.

15.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 16. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

BÊN GIA CÔNG

BÊN NHẬN GIA CÔNG



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Số:

Căn cứ:

- *Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng Vận chuyển này được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN A:

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN B:

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP TÁC KINH DOANH

Hai bên cùng nhau hợp tác kinh doanh theo hợp đồng không thành lập pháp nhân mới trong việc:

ĐIỀU 2. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Thời hạn hợp tác là(năm) năm bắt đầu kể từ ngày..... tháng nămđến hết ngày..... thángnăm

Thời hạn trên có thể được kéo dài theo sự thoả thuận của hai bên.

ĐIỀU 3. CƠ CẤU QUẢN LÝ GIÁM SÁT VIỆC HỢP TÁC KINH DOANH

3.1. Mỗi bên cử ra một đại diện để thực hiện các công việc quản lý giám sát việc hợp tác kinh doanh gọi là ban điều hành.

Đại diện của Bên A là:..... - Chức vụ:

Đại diện của Bên B là:..... - Chức vụ:

Trụ sở của ban điều hành đặt tại:

3.2. Việc hợp tác kinh doanh được quyết định dựa trên nguyên tắc thỏa thuận, đại diện các bên sẽ thay mặt công ty của mình để thỏa thuận triển khai công việc

3.3. Trường hợp các bên không thể nhất trí về việc thực hiện công việc phục vụ cho hợp tác kinh doanh thì công việc đó sẽ không được tiến hành. Trong trường hợp này các bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, nếu việc đơn phương chấm dứt hợp đồng đó gây thiệt hại thì phải bồi thường.

ĐIỀU 4. GÓP VỐN VÀ PHÂN CHIA KẾT QUẢ KINH DOANH

4.1. Góp vốn

Bên A góp vốn bằng

Bên B góp vốn bằng

Các bên thống nhất sử dụng phần vốn góp trên như sau:

- 50% phần vốn góp được sử dụng để ...

- 50% phần vốn còn lại được sử dụng để

4.2. Phân chia kết quả kinh doanh

Lợi nhuận sẽ được chia theo tỷ lệ: Bên A được hưởng%, Bên B được hưởng% trên tổng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước.

Thời điểm chia lợi nhuận vào ngày cuối cùng của năm tài chính. Năm tài chính được tính bắt đầu kể từ ngày:



ĐIỀU 5. CÁC NGUYÊN TẮC TÀI CHÍNH

5.1. Hai bên phải tuân thủ các nguyên tắc tài chính kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5.2. Mọi khoản thu chi cho hoạt động kinh doanh đều phải được ghi chép rõ ràng, đầy đủ, xác thực bởi kế toán của hai bên. Và các bên sẽ đối chiếu thu chi tài chính vào cuối mỗi tháng.

ĐIỀU 6. CAM KẾT BẢO MẬT

6.1. Danh mục bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, tài liệu thông tin bảo mật

Bí mật kinh doanh và tài sản trí tuệ : được hiểu là các thông tin, tài liệu thể hiện hoặc lưu trữ dưới các dạng như : văn bản, file máy tính, thư điện tử, hình ảnh, mã code, phần mềm tin học thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Các Bên.

Bí mật kinh doanh và tài sản trí tuệ còn được hiểu và thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế (trong trường hợp pháp luật Việt Nam chưa có quy định)

Thông tin bảo mật : là những thông tin thuộc Bí mật kinh doanh và tài sản trí tuệ nêu trên mà Các Bên trong quá trình hợp tác biết được hoặc tiếp cận được.

Phù hợp với các quy định ở trên, Các bên quy định những thông tin, tài liệu sau đây là tài sản cần được bảo mật và giữ gìn vì quyền và lợi ích hợp pháp của Các Bên.

1. Danh sách khách hàng, thông tin khách hàng.
2. Sổ sách tài chính kế toán, chứng từ ngân hàng.
3. Hệ thống các phần mềm cài đặt trên máy vi tính của Công ty.
4. Kế hoạch kinh doanh, Báo cáo hoạt động kinh doanh.
5. Các tài liệu về tình hình tài chính của công ty (vay, nợ, phải thu).
6. Kế hoạch/ý tưởng kinh doanh.
7. Tài liệu mô tả, phân tích thiết kế hệ thống, phần mềm, tài liệu hướng dẫn và các tài liệu được phổ biến nội bộ.
8. Khóa mã bản quyền các phần mềm sử dụng trong Công ty.

Ghi chú: Danh mục tài liệu/thông tin bảo mật nêu trên có thể được Các Bên bổ sung vào bất kỳ lúc nào. Khi bổ sung sẽ thông báo cho Bên còn lại.

6.2. Nghĩa vụ bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ

Các bên có trách nhiệm và cam kết bảo mật tất cả những tài liệu/thông tin bảo mật của đối tác - quy định và nêu tại Khoản 6.1. Điều này.



Các bên cam kết không tự ý sao chép, cung cấp, mua bán hoặc sử dụng những thông tin/tài liệu bảo mật cho bất kỳ ai, vì bất kỳ lý do và mục đích gì nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại.

Các bên cam kết không đưa thông tin lên mạng bằng cách phát tán ảnh chụp màn hình phần mềm, một phần hoặc toàn màn hình hoặc bất cứ hành vi nào tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ thông tin thông qua Internet.

Trong trường hợp vi phạm cam kết này, bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

7.1 Tìm kiếm, đàm phán, ký kết, thanh toán hợp đồng với các bên thứ ba và với khách hàng trong và ngoài nước.

7.2 Cung cấp đầy đủ các hoá đơn, chứng từ liên quan để phục vụ cho công tác hạch toán tài chính quá trình kinh doanh.

7.3 Được hưởng% lợi nhuận sau thuế.

7.4. Hỗ trợ Bên B thực hiện nhiệm vụ của mình

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

8.1 Có trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ quá trình sản xuất. Đưa nhà xưởng, kho bãi, máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của mình vào sử dụng. Đảm bảo sản phẩm được sản xuất ra có chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn của pháp luật hiện hành.

8.2 Triệt để tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật trong quá trình sản xuất.

8.3 Có trách nhiệm triển khai bán sản phẩm trên thị trường Việt Nam.

8.4 Hạch toán toàn bộ thu chi của quá trình sản xuất kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật về tài chính kế toán của Việt Nam.

8.5 Có trách nhiệm kê khai, nộp đầy đủ thuế và các nghĩa vụ khác với Nhà nước. Đồng thời quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước ngành và địa phương, cơ quan thuế nơi có Nhà máy.

8.6 Được hưởng% lợi nhuận sau thuế.

8.7 Trực tiếp chịu trách nhiệm tuyển dụng, quản lý, điều động cán bộ, công nhân tại Nhà máy. Lên kế hoạch Trả lương và các chế độ khác cho công nhân, cán bộ làm việc tại Nhà máy.

ĐIỀU 9. THỎA THUẬN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

9.1 Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Khi hết thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng.



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn

• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

- Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.
- Một bên vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng và bên còn lại đơn phương chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng này và các quy định pháp luật có liên quan.

9.2 Các bên được đơn phương chấm dứt thỏa thuận trong hợp đồng theo một trong các trường hợp sau:

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bên B không thực hiện nghĩa vụ góp vốn theo thỏa thuận.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bên A không thực hiện việc chi trả lợi nhuận theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng.

ĐIỀU 10. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

10.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.

10.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt lên đến 8% (hai trăm phần trăm) giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG

11.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép

11.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 12. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 13. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 14. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng lao động sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương



lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 15. HIỆU LỰC

15.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 9 hợp đồng này.

15.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 16. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

16.1. Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng này thì áp dụng quy định của thỏa ước lao động tập thể (nếu có), trường hợp chưa có thỏa ước thì áp dụng quy định của pháp luật lao động hiện hành.

16.2. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

**CÔNG TY ...
(BÊN A)**

**CÔNG TY...
(BÊN B)**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Số:

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Bộ luật Lao động được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng lao động này được thành lập bởi các bên sau đây:

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

NGƯỜI LAO ĐỘNG (BÊN B)

Họ và Tên:		Giới tính:
Sinh ngày:	Dân tộc:	Quốc tịch:
Địa chỉ thường trú:		
Địa chỉ liên lạc:		
CCCD/CMND/HC số:		Ngày cấp:
Nơi cấp:		

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn

• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

ĐIỀU 1: CÔNG VIỆC

1.1. Nội dung công việc

- Bên A sẽ tuyển dụng Bên B vào làm việc với chức danh
- Tại vị trí này Bên B sẽ phải thực hiện những công việc như sau:
 - + Thực hiện công việc theo đúng chức danh chuyên môn của mình dưới sự quản lý, điều hành của Ban giám đốc và các cá nhân được bổ nhiệm hoặc ủy quyền phụ trách khác
 - + Phối hợp cùng với các bộ phận, phòng ban khác trong Công ty để phát huy tối đa hiệu quả công việc
 - + Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Bên A
 - + ...

1.2. Bộ phận công tác

- Phòng: ...
- Người phụ trách quản lý, giám sát (nếu có): ...

1.3. Địa điểm làm việc

- Bên B sẽ công tác tại Trụ sở chính của Công ty tại
- Trong trường hợp vì thực hiện nhiệm vụ Bên A có thể cử Bên B đi công tác tạm thời tại các địa điểm khác ngoài trụ sở theo Quyết định của Ban giám đốc công ty.

1.4. Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc theo giờ hành chính nhà nước từ thứ 2 đến thứ 6:
- + Buổi sáng bắt đầu từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.
- + Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

ĐIỀU 2: LƯƠNG, THƯỞNG, PHỤ CẤP

2.1. Chế độ lương

- Lương dành cho vị trí ... được thỏa thuận là: VNĐ (Bằng chữ: ... Việt Nam đồng)
- Các bên cam kết sử dụng đồng tiền Việt Nam cho việc thanh toán.
- Hình thức thanh toán sẽ được thực hiện bằng Tiền mặt hoặc Chuyển khoản
- + Nếu trả bằng hình thức tiền mặt, bên B sẽ được nhận tại bộ phận Kế toán của công ty ...
- + Nếu trả bằng hình thức chuyển khoản, bên B sẽ được nhận tiền vào tài khoản của bên B : Ngân hàng ... Số tài khoản ... Chủ tài khoản ... Chi nhánh ...



- Thời hạn trả lương: Bên B được trả lương vào ngày ... của tháng.
- Chế độ nâng bậc, nâng lương: Bên B được xét nâng bậc, nâng lương 6 tháng một lần theo quy định của Công ty.

2.2. Chế độ Thưởng

- Bên B được hưởng các khoản thưởng theo chính sách của Công ty và được thưởng cá nhân theo quyết định của Ban giám đốc, người quản lý, người được ủy quyền phụ trách

2.3. Chế độ Phụ cấp

- Phụ cấp ăn trưa: ... VNĐ/tháng
- Phụ cấp xăng xe, đi lại, trang phục, thiết bị: ... VNĐ/tháng
- Phụ cấp chức vụ: ... VNĐ/tháng
- Phụ cấp khác (nếu có): ... VNĐ/tháng

ĐIỀU 3. CHẾ ĐỘ NGHỈ PHÉP, BHXH, BHYT, BHTN

3.1. Chế độ nghỉ phép:

- Bên B được nghỉ lễ, tết theo luật định, các ngày nghỉ lễ nếu trùng với ngày Thứ 7, Chủ nhật thì sẽ được nghỉ bù vào ngày trước hoặc ngày kế tiếp tùy theo tình hình cụ thể mà Công ty sẽ chỉ đạo trực tiếp
- Bên B được áp dụng chế độ nghỉ phép năm có hưởng lương (01 ngày phép/tháng, 12 ngày phép/năm) nếu có thâm niên công tác 12 tháng tính từ ngày bắt đầu công tác tại công ty sau khi ký hợp đồng này.

3.2. Chế độ BHXH, BHYT, BHTN

- Chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN (gọi chung là bảo hiểm) được thực hiện theo quy định của pháp luật. Mức đóng bảo hiểm cho người lao động được điều chỉnh theo quy định hiện hành của pháp luật và số tiền đóng bảo hiểm được trừ trực tiếp vào tiền lương của bên B hàng tháng.

ĐIỀU 4. TRANG BỊ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

- 4.1. Bên A sẽ cung cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động đạt chuẩn phục vụ cho nhu cầu công việc của Bên B và theo yêu cầu của Bên B
- 4.2. Bên B có trách nhiệm sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động được cấp theo đúng mục đích, chức năng. Nếu làm hư hại sẽ phải bồi thường
- 4.3. Các trang thiết bị bảo hộ lao động sẽ được bàn giao khi Bên B tiến hành làm việc ngày đầu tiên và có biên bản bàn giao được ký đóng dấu xác nhận của các bên

ĐIỀU 5. ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ, KỸ NĂNG NGHỀ



- 5.1. Bên B được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện tại nơi làm việc hoặc được gửi đi đào tạo theo quy định của Công ty và yêu cầu công việc
- 5.2. Trong trường hợp Bên B được cử đi đào tạo thì Bên B phải hoàn thành khóa học đúng thời hạn, phải cam kết ký hợp đồng lao động tối thiểu 05 (năm) năm sau khi hoàn thành khóa đào tạo và trong thời gian đào tạo Bên B vẫn được hưởng nguyên lương và các quyền lợi khác như người đi làm.
- 5.3. Sau khi kết thúc khóa đào tạo mà Bên B không tiếp tục hợp tác với Công ty hoặc không làm việc tại Công ty ít nhất 05 năm thì Bên B có nghĩa vụ phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

6.1. Quyền của người sử dụng lao động

- Bên A có quyền bố trí, điều chuyển công việc cho Bên B theo đúng chức năng chuyên môn
- Bên A có quyền chuyển tạm thời người lao động, tạm dừng công việc, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty trong thời gian HĐLĐ còn thời hạn
- Bên A có quyền đòi bồi thường, phạt vi phạm trong trường hợp Bên B làm hư hỏng tài sản, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bên A.
- Bên A có quyền đòi Bên B hoàn trả trong trường hợp bên B gây thiệt hại cho một bên thứ ba trong lúc thực hiện công việc được giao dẫn đến việc Bên A phải đứng ra bồi thường thiệt hại do vi phạm của Bên B cho bên thứ ba.

6.2. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động

- Cung cấp đầy đủ những điều kiện cần thiết để bên B thực hiện công việc theo hợp đồng này.
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi của người lao động theo các điều khoản trong hợp đồng này
- Chịu trách nhiệm liên đới khi Bên B gây thiệt hại cho bên thứ ba khi thực hiện các công việc theo hợp đồng này.
- Cung cấp thông tin trung thực cho người lao động về công việc, địa điểm làm việc, điều kiện làm việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, an toàn, vệ sinh lao động, tiền lương, hình thức trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, quy định về bảo vệ bí mật kinh doanh, bảo vệ bí mật công nghệ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà Bên B yêu cầu.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

7.1. Quyền của người lao động



- Được hưởng lương, thưởng, phụ cấp, và các chế độ bảo hiểm theo hợp đồng này
- Được hưởng thời gian làm việc, nghỉ phép theo quy định của hợp đồng này
- Được đóng đầy đủ Bảo hiểm theo quy định pháp luật
- Được đảm bảo việc làm, thiết bị, máy móc phục vụ công việc

7.2. Nghĩa vụ của người lao động

- Thực hiện công việc với sự tận tâm, tận lực, mẫn cán, đảm bảo hoàn thành công việc với hiệu quả cao nhất theo sự phân công, điều hành của Ban giám đốc và các cá nhân được phân công quản lý
- Nắm rõ và chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, văn hóa Công ty, nội quy lao động và các chủ trương, chính sách của Công ty
- Giữ bí mật về lương, thưởng, phụ cấp thỏa thuận trong hợp đồng này với tất cả nhân viên trong công ty và với các cá nhân, tổ chức khác.
- Không thực hiện các hành vi có khả năng gây phương hại đến lợi ích của Công ty. Các hành vi có khả năng gây phương hại đến lợi ích của công ty được hiểu là các hành vi gây thiệt hại hoặc sẽ gây thiệt hại nếu xảy ra, bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như tiết lộ bí mật kinh doanh của công ty, biển thủ công quỹ, thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao,...
- Có nghĩa vụ bồi hoàn lại các chi phí tổn thất mà Bên A đã bỏ ra để bồi thường thiệt hại cho bên thứ ba do hành vi vi phạm của Bên B
- Cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà Bên A yêu cầu.

ĐIỀU 8. CHẤM DỨT TRƯỚC HẠN

8.1. Quyền chấm dứt hợp đồng lao động trước hạn của Người sử dụng lao động

Không ảnh hưởng đến quyền của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng này có thể được chấm dứt trước hạn bởi Bên A trong các trường hợp sau:

- Theo thỏa thuận của Các Bên
- Bên B thường xuyên không hoàn thành công việc theo Hợp đồng, việc thường xuyên không hoàn thành công việc theo Hợp đồng được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của Bên A
- Bên B ốm đau, tai nạn kéo dài mà đã hết thời gian nghỉ khám chữa bệnh theo quy định pháp luật nhưng vẫn không thể quay lại tiếp tục công việc



- Bên B không có mặt tại nơi làm việc sau thông báo làm việc đã được Bên A gửi đến địa chỉ Bên B hoặc sau thỏa thuận của các bên về thời gian bắt đầu đi làm.
- Bên B tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên
- Bên B cung cấp thông tin không trung thực khi các bên giao kết hợp đồng này và làm ảnh hưởng đến việc tuyển dụng của Bên A

Trước khi chấm dứt hợp đồng, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 30 ngày (đối với HĐ xác định thời hạn)/ 45 ngày (đối với HĐ không xác định thời hạn) và không phải thông báo nếu Bên B tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng

Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan đến quyền lợi của Bên B và hoàn thành các thủ tục về bảo hiểm cho Bên B. Đồng thời trong thời hạn này Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan đến quyền lợi của Bên A

8.2. Quyền chấm dứt hợp đồng trước hạn của Người lao động

Không ảnh hưởng đến quyền của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng này có thể được chấm dứt trước hạn bởi Bên B trong các trường hợp sau:

- Theo thỏa thuận của Các Bên
- Không được trả đủ lương hoặc trả lương không đúng thời hạn, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng mà Bên A đã thông báo và đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng hạn theo quy định của pháp luật lao động.

Trước khi chấm dứt hợp đồng Bên B phải thông báo cho Bên A trước 30 ngày (đối với HĐ xác định thời hạn)/ 45 ngày (đối với HĐ không xác định thời hạn)

Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, Bên B có trách nhiệm bàn giao lại đầy đủ thiết bị, phương tiện, máy móc đã được cấp để thực hiện công việc và bàn giao công việc cho người quản lý hoặc cho cá nhân khác được phân công nhận bàn giao, việc bàn giao khi nghỉ việc được thực hiện theo quy định của Công ty. Nếu có hỏng hóc thì phải bồi thường theo quy định của Công ty.

ĐIỀU 9. CAM KẾT BẢO MẬT

9.1. Danh mục bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, tài liệu thông tin bảo mật

Bí mật kinh doanh và tài sản trí tuệ : được hiểu là các thông tin, tài liệu thể hiện hoặc lưu trữ dưới các dạng như : văn bản, file máy tính, thư điện tử, hình ảnh, mã code, phần mềm tin học mà Công ty có được và thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình.

Bí mật kinh doanh và tài sản trí tuệ còn được hiểu và thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế (trong trường hợp pháp luật Việt Nam chưa có quy định)



Thông tin bảo mật : là những thông tin thuộc Bí mật kinh doanh và tài sản trí tuệ nêu trên mà Người lao động trong quá trình làm việc tại Công ty biết được hoặc tiếp cận được.

Phù hợp với các quy định ở trên, Công ty quy định những thông tin, tài liệu sau đây là tài sản của Công ty, cần được bảo mật và giữ gìn vì quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

1. Danh sách khách hàng, thông tin khách hàng.
2. Sổ sách tài chính kế toán, chứng từ ngân hàng.
3. Hệ thống các phần mềm cài đặt trên máy vi tính của Công ty.
4. Kế hoạch kinh doanh, Báo cáo hoạt động kinh doanh.
5. Các tài liệu về tình hình tài chính của công ty (vay, nợ, phải thu).
6. Kế hoạch/ý tưởng kinh doanh.
7. Tài liệu mô tả, phân tích thiết kế hệ thống, phần mềm, tài liệu hướng dẫn và các tài liệu được phổ biến nội bộ.
8. Khóa mã bản quyền các phần mềm sử dụng trong Công ty.

Ghi chú: Danh mục tài liệu/thông tin bảo mật nêu trên có thể được Công ty bổ sung vào bất kỳ lúc nào. Khi bổ sung sẽ thông báo cho Người lao động.

9.2. Nghĩa vụ bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ của Người lao động

Bên B có trách nhiệm và cam kết bảo mật tất cả những tài liệu/thông tin bảo mật của Công ty - quy định và nêu tại Khoản 9.1. Điều này.

Bên B cam kết không tự ý sao chép, cung cấp, mua bán hoặc sử dụng những thông tin/tài liệu bảo mật cho bất kỳ ai, vì bất kỳ lý do và mục đích gì nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.

Bên B cam kết không đưa thông tin lên mạng bằng cách phát tán ảnh chụp màn hình phần mềm, một phần hoặc toàn màn hình hoặc bất cứ hành vi nào tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ thông tin thông qua Internet.

Trong trường hợp vi phạm cam kết này, ngoài việc phải chịu hình thức xử lý, kỷ luật như quy định của pháp luật, Bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp vi phạm cam kết này, mà vì lý do khách quan Công ty chưa đánh giá được mức độ thiệt hại và sự ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm, Bên B đồng ý sẽ bị xử lý kỷ luật lao động đến mức cao nhất là sa thải (theo quy định trong Nội quy lao động) và phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra cho công ty theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn

• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

10.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.

10.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt lên đến 200% (hai trăm phần trăm) giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG

11.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép

11.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 12. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 13. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 14. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng lao động sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 15. HIỆU LỰC

15.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 8 hợp đồng này.

15.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 16. ĐIỀU KHOẢN CUỐI



16.1. Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng này thì áp dụng quy định của thỏa ước lao động tập thể (nếu có), trường hợp chưa có thỏa ước thì áp dụng quy định của pháp luật lao động hiện hành.

16.2. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(BÊN A)

NGƯỜI LAO ĐỘNG
(BÊN B)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Số:

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng Ủy quyền này được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN ỦY QUYỀN (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN (BÊN B)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A ủy quyền cho bên B thay mặt bên A thực hiện các công việc

Trong thời gian ủy quyền bên B được nhân danh bên A thực hiện toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của bên A để đảm bảo lợi ích hợp pháp của bên A

ĐIỀU 2. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Thời hạn của việc ủy quyền kéo dài cho đến khi bên B thực hiện xong công việc cho bên A hoặc bên A yêu cầu dừng ủy quyền

ĐIỀU 3. CHI PHÍ ỦY QUYỀN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Các bên thỏa thuận chi phí ủy quyền là ... VND (Bằng chữ: Việt Nam đồng)

Bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng phương thức chuyển khoản vào số tài khoản của bên B:

Số tài khoản: ...

Ngân hàng: ...

Chủ tài khoản: ...

ĐIỀU 4. THỜI HẠN THANH TOÁN

Các bên thống nhất thời hạn thanh toán diễn ra thành 2 đợt:

Đợt 1: Bên A thanh toán 30% giá trị hợp đồng cho bên B ngay sau khi các bên ký kết xong hợp đồng này

Đợt 2: Bên A sẽ thanh toán 70% giá trị hợp đồng còn lại cho bên B ngay sau khi bên B hoàn thành công việc được ủy quyền và có phiếu yêu cầu thanh toán

Trong trường hợp bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền này thì bên A chỉ phải thanh toán thù lao tương ứng với công việc mà bên B đã thực hiện được mà không phải thanh toán 70% giá trị hợp đồng còn lại. Trong trường hợp này, trong vòng 60 ngày, bên B phải chứng minh các công việc mình đã thực hiện được mới có quyền yêu cầu bên A thanh toán chi phí cho công việc đó. Sau thời hạn 60 ngày bên B không còn quyền yêu cầu bên A thanh toán các chi phí liên quan đến công việc ủy quyền

ĐIỀU 5. ỦY QUYỀN LẠI

5.1. Bên B được ủy quyền lại cho người khác trong trường hợp sau đây:

- a) Có sự đồng ý bằng văn bản của bên A;
- b) Do sự kiện bất khả kháng nếu không áp dụng ủy quyền lại thì mục đích xác lập, thực hiện giao dịch dân sự vì lợi ích của bên A không thể thực hiện được.

5.2. Việc ủy quyền lại không được vượt quá phạm vi ủy quyền ban đầu.



- 5.3. Hình thức hợp đồng ủy quyền lại phải phù hợp với hình thức ủy quyền ban đầu.
- 5.4. Trong trường hợp ủy quyền lại do bất khả kháng bên B phải thông báo đến bên A ngay sau khi kết thúc sự kiện bất khả kháng đó.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN ỦY QUYỀN

- 6.1. Yêu cầu bên B thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc ủy quyền.
- 6.2. Yêu cầu bên B giao lại tài sản, lợi ích thu được từ việc thực hiện công việc ủy quyền.
- 6.3. Được bồi thường thiệt hại, nếu bên B vi phạm nghĩa vụ.
- 6.4. Cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để bên B thực hiện công việc.
- 6.5. Chịu trách nhiệm về cam kết do bên B thực hiện trong phạm vi ủy quyền.
- 6.6. Thanh toán chi phí hợp lý mà bên B đã bỏ ra để thực hiện công việc được ủy quyền;

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

- 7.1. Yêu cầu bên A cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để thực hiện công việc ủy quyền.
- 7.2. Được thanh toán chi phí hợp lý mà mình đã bỏ ra để thực hiện công việc ủy quyền.
- 7.3. Thực hiện công việc theo ủy quyền và báo cho bên A về việc thực hiện công việc đó.
- 7.4. Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi ủy quyền.
- 7.5. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc ủy quyền.
- 7.6. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện việc ủy quyền.
- 7.7. Giao lại cho bên A tài sản đã nhận và những lợi ích thu được trong khi thực hiện việc ủy quyền
- 7.8. Bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép
- 8.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.



ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 10. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 12. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký

12.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

BÊN ỦY QUYỀN

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG TRAO ĐỔI TÀI SẢN

Số:

Căn cứ:

- *Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng trao đổi tài sản này được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN A:

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN B:

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



ĐIỀU 1. TÀI SẢN TRAO ĐỔI

Các bên cam kết những tài sản dưới đây thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình và đồng ý đem những tài sản này để trao đổi theo hợp đồng này

1.1. Tài sản của bên A

- Mô tả đặc điểm tài sản:
- Mô tả chất lượng tài sản: ...

1.2. Tài sản của bên B

- Mô tả đặc điểm tài sản:
- Mô tả chất lượng tài sản

ĐIỀU 2. THANH TOÁN GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH

Bên A đồng ý thanh toán giá trị chênh lệch khi trao đổi tài sản cho bên B là ... VNĐ (Bằng chữ: ... Việt Nam đồng)

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Bên A thanh toán cho bên B bằng phương thức đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Nếu sử dụng phương thức chuyển khoản, bên A phải chuyển vào ngân hàng sau của bên B

Người thụ hưởng/chủ tài khoản: ...

Số tài khoản: ...

Ngân hàng:

- Nếu sử dụng phương thức tiền mặt, bên B phải xuất phiếu thu tiền cho bên A có chữ ký của người đại diện hợp pháp của bên B

ĐIỀU 4. THỜI HẠN THANH TOÁN

- Bên A phải thanh toán cho bên B ngay sau khi bên B chuyển giao tài sản của mình cho bên A kèm với các giấy tờ có liên quan về tài sản.

ĐIỀU 5. THỜI HẠN, PHƯƠNG THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO TÀI SẢN

5.1. Thời hạn giao tài sản

Các bên thỏa thuận ngay sau khi ký kết hợp đồng này các bên phải chuyển giao tài sản và các giấy tờ liên quan đến tài sản cho nhau để bên còn lại có thể thiết lập quyền sở hữu của mình với tài sản đó.

5.2. Phương thức giao tài sản

Các bên giao tài sản trực tiếp cho nhau và có văn bản xác nhận đã nhận tài sản của đối phương



5.3. Địa điểm giao tài sản

Địa điểm giao tài sản tại trụ sở công ty địa chỉ

ĐIỀU 6. THỜI ĐIỂM CHỊU RỦI RO

- 6.1. Các bên trong hợp đồng đều được coi là người bán đối với tài sản giao cho bên kia và là người mua đối với tài sản nhận về
- 6.2. Bên bán chịu rủi ro đối với tài sản trước khi tài sản được giao cho bên mua, bên mua chịu rủi ro đối với tài sản kể từ thời điểm nhận tài sản
- 6.3. Đối với hợp đồng mua bán tài sản mà pháp luật quy định tài sản đó phải đăng ký quyền sở hữu thì bên bán chịu rủi ro cho đến khi hoàn thành thủ tục đăng ký, bên mua chịu rủi ro kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký

ĐIỀU 7. BẢO HÀNH

Các bên có nghĩa vụ bảo hành đối với vật trao đổi trong thời hạn 3 tháng tính từ thời điểm các bên chuyển giao tài sản cho nhau

ĐIỀU 8. CHUỘC LẠI TÀI SẢN ĐÃ ĐỔI

- 8.1. Các bên có quyền chuộc lại tài sản đã đổi trong vòng 1 năm kể từ thời điểm hợp đồng này có hiệu lực.
- 8.2. Trong thời hạn chuộc lại, bên mua không được xác lập giao dịch chuyển quyền sở hữu tài sản cho chủ thể khác và phải chịu rủi ro đối với tài sản

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

- 9.1. Bên B có quyền yêu cầu thanh toán giá trị chênh lệch của tài sản trao đổi
- 9.2. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đúng hạn giá trị chênh lệch của tài sản trao đổi
- 9.3. Các bên có quyền yêu cầu bên còn lại bàn giao tài sản và giấy tờ có liên quan đến tài sản đúng hạn
- 9.4. Các bên có nghĩa vụ bàn giao tài sản đúng số lượng, chất lượng, chủng loại như đã cam kết
- 9.5. Các bên có nghĩa vụ cung cấp thông tin sản phẩm và hướng dẫn sử dụng sản phẩm cho bên mua
- 9.5. Các bên có quyền yêu cầu bên bán bảo hành sản phẩm và sửa chữa sản phẩm trong thời hạn bảo hành

ĐIỀU 10. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM

- 10.1. Các bên cam kết mình là chủ sở hữu hợp pháp và hoàn toàn có thẩm quyền để thực hiện giao kết hợp đồng này
- 10.2. Các bên cam đoan tài sản trao đổi không bị thế chấp, tranh chấp với bên thứ ba



ĐIỀU 11. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

11.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.

11.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt lên đến 8% (tám phần trăm) giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 12. BẤT KHẢ KHÁNG

12.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép

12.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 13. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 14. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này trước tiên phải thông qua gọi điện trao đổi giữa các bên, nếu không thể gọi điện thì phải gửi tin nhắn và email hoặc văn bản thông báo đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 15. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng lao động sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 16. HIỆU LỰC

16.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi các bên thực hiện xong các nghĩa vụ với nhau.

16.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào



ĐIỀU 17. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau.
Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện

BÊN A

BÊN B



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số:

Căn cứ:

- *Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng mua bán hàng hóa này được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN BÁN (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN MUA (BÊN B)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



ĐIỀU 1. NỘI DUNG GIAO DỊCH

1.1. Hàng hóa giao dịch

- Tên hàng hóa
- Đặc điểm hàng hóa
- Công dụng hàng hóa

1.2. Số lượng

- Các bên cam kết bàn giao hàng hóa thành đợt:
 - + Đợt 1: Từ ngày ... đến ngày ... với số lượng bàn giao là ... (đơn vị)
 - + Đợt 2: Từ ngày ... đến ngày ... với số lượng bàn giao là ... (đơn vị)
 - + Đợt 3: ...

1.3. Chất lượng

- Bên A cam kết tất cả hàng hóa được giao đều đúng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Có phiếu kiểm nghiệm trong vòng 6 tháng
- Mô tả hình thái sản phẩm đạt chuẩn:
- Các trường hợp thay đổi về hình thái nhưng không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm:

1.4. Chính sách đổi trả

Trong trường hợp Bên B phát hiện sản phẩm có lỗi hoặc không đạt chỉ tiêu chất lượng như cam kết của Bên A thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết để hai bên cùng đi kiểm nghiệm lại chất lượng sản phẩm. Nếu sau khi kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm không đúng theo Tiêu chuẩn nhà sản xuất đã công bố, Bên A sẽ hỗ trợ đổi một lô mới đạt chuẩn cho Bên B. Trường hợp không còn lô hàng mới để đổi cho Bên B, Bên A sẽ hoàn trả lại 80% giá trị lô hàng ban đầu.

ĐIỀU 2. THANH TOÁN

2.1. Giá thanh toán

Các bên thỏa thuận giá lô hàng là: VNĐ (Bằng chữ: ... Việt Nam đồng)

2.2. Phương thức thanh toán

Bên B sẽ thanh toán giá trị lô hàng bằng phương thức chuyển khoản đến số tài khoản của Bên A.

Số tài khoản của Bên A là: Ngân hàng Số tài khoản ... Chủ tài khoản ...

Trong trường hợp Bên B thanh toán bằng tiền mặt, Bên A sẽ phải viết phiếu thu cho Bên B, phiếu thu phải bao gồm thời gian, địa điểm, số tiền đã bàn giao và đại diện hợp pháp của các bên ký đóng dấu trong phiếu thu xác nhận đã nhận tiền đầy đủ.



2.3. Thời hạn thanh toán

Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 100% giá trị lô hàng kể từ thời điểm Bên B nhận được sản phẩm

ĐIỀU 3. THỜI HẠN GIAO HÀNG

3.1. Thời hạn giao hàng được các bên xác định là vào thời điểm hàng hóa được vận chuyển đến kho hàng hoặc địa điểm kinh doanh của Bên B. Có ký xác nhận nhận hàng của Bên B

3.2. Bên A sẽ bàn giao đầy đủ hàng hóa cho Bên B vào ngày ... tháng ... năm ...

ĐIỀU 4. VẬN CHUYỂN

4.1. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do Bên Mua chịu

4.2. Trong trường hợp Bên B lấy hàng tại kho hoặc bãi lưu của Bên A thì khi đến thời hạn đến nhận hàng mà Bên B không đến nhận hàng thì phải chịu chi phí lưu kho bãi là đồng/ngày. Nếu phương tiện vận chuyển Bên B đến mà Bên A không có hàng giao thì Bên A phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện.

4.3. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

4.4. Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu bên mua sau khi chở về nhập kho mới hiện có vi phạm thì phải lập biên bản gọi cơ quan kiểm tra trung gian (.....) đến xác nhận và phải gửi đến bên bán trong hạn 10 ngày tính từ khi lập biên bản. Sau 15 ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì thì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó.

4.5. Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có xác nhận chất lượng bằng phiếu hoặc biên bản kiểm nghiệm; khi đến nhận hàng, người nhận phải có đủ:

- Giấy giới thiệu của cơ quan bên mua;
- Phiếu xuất kho của cơ quan bên bán;
- Giấy chứng minh nhân dân.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN BÁN

5.1. Quyền của bên bán

- Yêu cầu Bên Mua thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền hàng
- Bên bán không chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hoá nếu vào thời điểm giao kết hợp đồng bên mua đã biết hoặc phải biết về những khiếm khuyết đó;



- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng của Bên Mua;
- Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên Mua không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định đã thoả thuận trong hợp đồng này
- Yêu cầu Bên Mua bồi thường thiệt hại nếu Bên Mua vi phạm hợp đồng mà gây thiệt hại cho Bên Bán;
- Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của bên bán

- Bên bán chịu rủi ro đối với tài sản trước khi tài sản được giao cho bên mua, bên mua chịu rủi ro đối với tài sản kể từ thời điểm nhận tài sản
- Bên bán phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hoá đã có trước thời điểm chuyển rủi ro cho bên mua, kể cả trường hợp khiếm khuyết đó được phát hiện sau thời điểm chuyển rủi ro;
- Bên bán phải chịu trách nhiệm về khiếm khuyết của hàng hóa phát sinh sau thời điểm chuyển rủi ro nếu khiếm khuyết đó do bên bán vi phạm hợp đồng.
- Bên bán không được bán hàng hóa vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Bên bán phải chịu trách nhiệm trong trường hợp có tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa đã bán.
- Trường hợp bên mua yêu cầu bên bán phải tuân theo bản vẽ kỹ thuật, thiết kế, công thức hoặc những số liệu chi tiết do bên mua cung cấp thì bên mua phải chịu trách nhiệm về các khiếu nại liên quan đến những vi phạm quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ việc bên bán đã tuân thủ những yêu cầu của bên mua.
- Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng của hàng hóa cho bên mua trong thời gian là tháng.
- Bên bán phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hóa một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA

6.1. Quyền của Bên Mua

- Yêu cầu Bên Bán giao hàng đúng thời gian, địa điểm đã thoả thuận;
- Yêu cầu Bên Bán cung cấp hàng hoá đầy đủ số lượng và chất lượng như đã thoả thuận;
- Yêu cầu Bên Bán cung cấp đầy đủ hoá đơn bán hàng theo quy định;
- Yêu cầu Bên Bán bồi thường thiệt hại nếu Bên Bán vi phạm hợp đồng mà gây thiệt hại cho Bên Mua;
- Bên Mua có quyền yêu cầu bên bán phải cung cấp thông tin và hướng dẫn cách sử dụng sản phẩm hàng hóa.



- Trong thời hạn bảo hành, nếu bên mua phát hiện được khuyết tật của vật mua bán thì có quyền yêu cầu bên bán sửa chữa không phải trả tiền, giảm giá, đổi vật có khuyết tật lấy vật khác hoặc trả lại vật và lấy lại tiền.

- Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

6.2. Nghĩa vụ của Bên Mua

- Bên mua có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ chi phí vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa và phí lưu kho bãi trong trường hợp lấy hàng tại kho bãi quá thời hạn thỏa thuận

- Tổ chức tiếp nhận nhanh, an toàn, dứt điểm cho từng lô hàng.

- Thanh toán theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng này

ĐIỀU 7. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

7.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.

7.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt lên đến 200% (hai trăm phần trăm) giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 8. CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Khi các Bên thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này.
- Khi một Bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng này dẫn đến Hợp đồng không thể thực hiện được thì phía Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- Hợp đồng có thể được chấm dứt do sự thỏa thuận của các Bên.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

9.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép

9.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 10. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG



Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 11. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 13. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

13.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 8 hợp đồng này.

13.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG MUA BÁN WEBSITE

Số:

Căn cứ:

- *Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng mua bán Website này được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN BÁN (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN MUA (BÊN B)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



ĐIỀU 1. NỘI DUNG GIAO DỊCH

1.1. Website mua bán

- Tên Website
- Đặc điểm Website
- Tên miền
- Thời gian thành lập
- Nội dung Website

1.1. Chất lượng

- Bên A cam kết Website được giao đã được thông báo/đăng ký với Bộ công thương

1.2. Chính sách đổi trả

Trong trường hợp Bên B phát hiện sản phẩm có lỗi hoặc không đạt chỉ tiêu chất lượng như cam kết của Bên A thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết để Bên A khắc phục lỗi hoặc sửa đổi, bổ sung phù hợp với tiêu chí chất lượng như cam kết. Nếu Bên A không thể thực hiện được, Bên B có quyền yêu cầu trả lại sản phẩm và hoàn tiền

ĐIỀU 2. THANH TOÁN

2.1. Giá thanh toán

Các bên thỏa thuận giá mua bán là: VNĐ (Bằng chữ: ... Việt Nam đồng)

2.2. Phương thức thanh toán

Bên B sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng bằng phương thức chuyển khoản đến số tài khoản của Bên A.

Số tài khoản của Bên A là: Ngân hàng Số tài khoản ... Chủ tài khoản ...

2.3. Thời hạn thanh toán

Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 100% giá trị lô hàng kể từ thời điểm các bên ký kết xong hợp đồng này

ĐIỀU 3. THỜI HẠN BÀN GIAO

Bên A sẽ bàn giao Website cho Bên B vào ngày ... tháng ... năm ...

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN BÁN

4.1. Quyền của bên bán

- Yêu cầu Bên Mua thanh toán đầy đủ và đúng hạn
- Bên bán không chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của Website nếu vào thời điểm giao kết hợp đồng bên mua đã biết hoặc phải biết về những khiếm khuyết đó;



- Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên Mua không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định đã thoả thuận trong hợp đồng này
- Yêu cầu Bên Mua bồi thường thiệt hại nếu Bên Mua vi phạm hợp đồng mà gây thiệt hại cho Bên Bán;
- Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

4.2. Nghĩa vụ của bên bán

- Bên bán không được bán hàng hóa vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Bên bán phải chịu trách nhiệm trong trường hợp có tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa đã bán.
- Bên bán phải cung cấp một giấy hướng dẫn sử dụng cho Website (nếu cần).

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA

5.1. Quyền của Bên Mua

- Yêu cầu Bên Bán bàn giao Website đúng thời gian đã thoả thuận;
- Yêu cầu Bên Bán bồi thường thiệt hại nếu Bên Bán vi phạm hợp đồng mà gây thiệt hại cho Bên Mua;
- Bên Mua có quyền yêu cầu bên bán phải cung cấp thông tin và hướng dẫn cách sử dụng Website
- Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của Bên Mua

- Thanh toán theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng này

ĐIỀU 6. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

6.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.

6.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt lên đến 8% (Tám phần trăm) giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Khi các Bên thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này.
- Khi một Bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng này dẫn đến Hợp đồng không thể thực hiện được thì phía Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.



- Hợp đồng có thể được chấm dứt do sự thỏa thuận của các Bên.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

8.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép

8.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 10. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 12. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 7 hợp đồng này.

12.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM
Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

- **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
- **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG TẶNG CHO

Số:

Căn cứ:

- *Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng tặng cho này được thành lập bởi các bên sau đây:

BÊN TẶNG CHO (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

BÊN NHẬN TẶNG CHO (BÊN B)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



ĐIỀU 1. TÀI SẢN TẶNG CHO

- 1.1. Đặc điểm tài sản
- 1.2. Chất lượng tài sản

ĐIỀU 2. ĐIỀU KIỆN TẶNG CHO TÀI SẢN

Bên nhận tặng cho chỉ được nhận tài sản với điều kiện....

ĐIỀU 3. THỜI HẠN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC TẶNG CHO

- 3.1. Thời hạn tặng cho

Bên A sẽ chuyển giao tài sản tặng cho cho bên B vào ngày ...

- 3.2. Địa điểm tặng cho

Các bên sẽ giao tài sản tặng cho tại địa chỉ

- 3.3. Phương thức tặng cho

Bên A sẽ giao tài sản trực tiếp cho bên B bao gồm cả tài sản và các giấy tờ có liên quan đến tài sản

ĐIỀU 4: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- a) Những thông tin về nhân thân, về tài sản tặng cho ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Tài sản tặng cho không có tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
- đ) Các cam đoan khác ...

2. Bên B cam đoan:

- a) Những thông tin về nhân thân ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản tặng cho và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
- đ) Các cam đoan khác...

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

5.1. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN TẶNG CHO



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn

• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

- Bên A có nghĩa vụ thông báo cho bên B khuyết tật của tài sản tặng cho. Trường hợp bên A biết tài sản có khuyết tật mà không thông báo thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại xảy ra cho bên B; nếu bên A không biết về khuyết tật của tài sản tặng cho thì không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

- Bên A có quyền yêu cầu bên B thực hiện đúng theo điều kiện nhận tặng cho. Trường hợp Bên B không thực hiện đúng, đủ theo điều kiện như đã cam kết thì bên A có quyền hủy hợp đồng tặng cho này

- Bên A có nghĩa vụ giao tài sản tặng cho đúng hạn, đúng địa điểm theo cam kết

5.2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN NHẬN TẶNG CHO

- Bên B có quyền yêu cầu bên A giao tài sản đúng hạn, đúng địa điểm theo thỏa thuận

- Bên B có quyền yêu cầu bên A bồi thường thiệt hại do những khuyết tật về tài sản mà bên A không thông báo trước cho bên B trừ trường hợp bên A không biết về khuyết tật đó.

ĐIỀU 6. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

6.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.

6.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt lên đến 200% (hai trăm phần trăm) giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Khi các Bên thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này.
- Khi một Bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng này dẫn đến Hợp đồng không thể thực hiện được thì phía Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- Hợp đồng có thể được chấm dứt do sự thỏa thuận của các Bên.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8 BẤT KHẢ KHÁNG

8.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép

8.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông



báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 10. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 12. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 7 hợp đồng này.

12.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

BÊN TẶNG CHO

BÊN NHẬN TẶNG CHO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG THỬ VIỆC

Số:

Căn cứ:

- *Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Bộ luật Lao động được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm.... tại địa chỉ trụ sở Công ty ... số Hợp đồng Thử việc này được thành lập bởi các bên sau đây:

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (BÊN A)

Tên doanh nghiệp:	
MSDN:	
Địa chỉ:	
ĐKKD số:	
Người đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
SĐT liên hệ:	

NGƯỜI LAO ĐỘNG (BÊN B)

Họ và Tên:		Giới tính:
Sinh ngày:	Dân tộc:	Quốc tịch:
Địa chỉ thường trú:		
Địa chỉ liên lạc:		
CCCD/CMND/HC số:		Ngày cấp:
Nơi cấp:		

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh. Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị ép buộc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:



ĐIỀU 1. CÔNG VIỆC

1.1. Nội dung công việc

- Bên B sẽ được thử việc tại vị trí
- Tại vị trí này Bên B sẽ phải thực hiện những công việc như sau:
 - + Thực hiện công việc theo đúng chức danh chuyên môn của mình dưới sự quản lý, điều hành của Ban giám đốc và các cá nhân được bổ nhiệm hoặc ủy quyền phụ trách khác
 - + Phối hợp cùng với các bộ phận, phòng ban khác trong Công ty để phát huy tối đa hiệu quả công việc
 - + Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Bên A
 - + ...

1.2. Bộ phận công tác

- Phòng: ...
- Người phụ trách quản lý, giám sát (nếu có): ...

1.3. Địa điểm làm việc

- Bên B sẽ công tác tại Trụ sở chính của Công ty tại
- Trong trường hợp vì thực hiện nhiệm vụ Bên A có thể cử Bên B đi công tác tạm thời tại các địa điểm khác ngoài trụ sở theo Quyết định của Ban giám đốc công ty.

1.4. Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc theo giờ hành chính nhà nước từ thứ 2 đến thứ 6:
 - + Buổi sáng bắt đầu từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.
 - + Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

ĐIỀU 2. THỜI GIAN THỬ VIỆC

- 2.1. Thời gian thử việc: 60 ngày kể từ ngày Bên B đến Công ty nhận bàn giao công việc.



2.2. Khi kết thúc thời gian thử việc, Bên A phải thông báo kết quả thử việc cho Bên B. Trường hợp thử việc đạt yêu cầu thì Bên A sẽ giao kết hợp đồng lao động với Bên B. Trường hợp thử việc không đạt yêu cầu thì Bên B có thể lựa chọn tiếp tục hoặc không tiếp tục thử việc theo hợp đồng này.

ĐIỀU 3. LƯƠNG, THƯỞNG, PHỤ CẤP

3.1. Lương thử việc

Lương thử việc được Các Bên thỏa thuận bằng 85% lương chính thức.

Lương thử việc Bên A được nhận là VNĐ (Bằng chữ: ... Việt Nam đồng)

3.2. Chế độ Thưởng

Bên B được hưởng các khoản thưởng theo chính sách của Công ty và được thưởng cá nhân theo quyết định của Ban giám đốc, người quản lý, người được ủy quyền phụ trách

3.3. Chế độ Phụ cấp

- Phụ cấp ăn trưa: ... VNĐ/tháng
- Phụ cấp xăng xe, đi lại, trang phục, thiết bị: ... VNĐ/tháng
- Phụ cấp chức vụ: ... VNĐ/tháng
- Phụ cấp khác (nếu có): ... VNĐ/tháng

ĐIỀU 4. CHẾ ĐỘ NGHỈ PHÉP, BHXH, BHYT, BHTN

4.1. Chế độ nghỉ phép:

- Bên B được nghỉ lễ, tết theo luật định, các ngày nghỉ lễ nếu trùng với ngày Thứ 7, Chủ nhật thì sẽ được nghỉ bù vào ngày trước hoặc ngày kế tiếp tùy theo tình hình cụ thể mà Công ty sẽ chỉ đạo trực tiếp

4.2. Chế độ BHXH, BHYT, BHTN

- Bên B được đóng BHXH, BHYT, BHTN sau khi hoàn thành thử việc và ký hợp đồng lao động chính thức với Công ty

ĐIỀU 5. TRANG BỊ BẢO HỘ LAO ĐỘNG



5.1. Bên A sẽ cung cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động đạt chuẩn phục vụ cho nhu cầu công việc của Bên B và theo yêu cầu của Bên B

5.2. Bên B có trách nhiệm sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động được cấp theo đúng mục đích, chức năng. Nếu làm hư hại sẽ phải bồi thường

5.3. Các trang thiết bị bảo hộ lao động sẽ được bàn giao khi Bên B tiến hành làm việc ngày đầu tiên và có biên bản bàn giao được ký đóng dấu xác nhận của các bên

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

6.1. Quyền của người sử dụng lao động

- Bên A có quyền bố trí, điều chuyển công việc cho Bên B theo đúng chức năng chuyên môn

- Bên A có quyền chuyển tạm thời người lao động, tạm dừng công việc, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty trong thời gian HĐLĐ còn thời hạn

- Bên A có quyền đòi bồi thường, phạt vi phạm trong trường hợp Bên B làm hư hỏng tài sản, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bên A.

- Bên A có quyền đòi Bên B hoàn trả trong trường hợp bên B gây thiệt hại cho một bên thứ ba trong lúc thực hiện công việc được giao dẫn đến việc Bên A phải đứng ra bồi thường thiệt hại do vi phạm của Bên B cho bên thứ ba.

6.2. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động

- Cung cấp đầy đủ những điều kiện cần thiết để bên B thực hiện công việc theo hợp đồng này.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi của người lao động theo các điều khoản trong hợp đồng này

- Chịu trách nhiệm liên đới khi Bên B gây thiệt hại cho bên thứ ba khi thực hiện các công việc theo hợp đồng này.

- Cung cấp thông tin trung thực cho người lao động về công việc, địa điểm làm việc, điều kiện làm việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, an toàn, vệ sinh lao động, tiền lương, hình thức trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,



quy định về bảo vệ bí mật kinh doanh, bảo vệ bí mật công nghệ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà Bên B yêu cầu.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

7.1. Quyền của người lao động

- Được hưởng lương, thưởng, phụ cấp, và các chế độ bảo hiểm theo hợp đồng này
- Được hưởng thời gian làm việc, nghỉ phép theo quy định của hợp đồng này
- Được đóng đầy đủ Bảo hiểm theo quy định pháp luật
- Được đảm bảo việc làm, thiết bị, máy móc phục vụ công việc

7.2. Nghĩa vụ của người lao động

- Thực hiện công việc với sự tận tâm, tận lực, mẫn cán, đảm bảo hoàn thành công việc với hiệu quả cao nhất theo sự phân công, điều hành của Ban giám đốc và các cá nhân được phân công quản lý
- Nắm rõ và chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, văn hóa Công ty, nội quy lao động và các chủ trương, chính sách của Công ty
- Giữ bí mật về lương, thưởng, phụ cấp thỏa thuận trong hợp đồng này với tất cả nhân viên trong công ty và với các cá nhân, tổ chức khác.
- Không thực hiện các hành vi có khả năng gây phương hại đến lợi ích của Công ty. Các hành vi có khả năng gây phương hại đến lợi ích của công ty được hiểu là các hành vi gây thiệt hại hoặc sẽ gây thiệt hại nếu xảy ra, bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như tiết lộ bí mật kinh doanh của công ty, biển thủ công quỹ, thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao,...
- Có nghĩa vụ bồi hoàn lại các chi phí tổn thất mà Bên A đã bỏ ra để bồi thường thiệt hại cho bên thứ ba do hành vi vi phạm của Bên B
- Cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà Bên A yêu cầu.



ĐIỀU 8. CHẤM DỨT TRƯỚC HẠN

Trong thời gian thử việc, mỗi bên có quyền hủy bỏ hợp đồng thử việc mà không cần báo trước và không phải bồi thường cho bên còn lại

ĐIỀU 9. CAM KẾT BẢO MẬT

9.1. Danh mục bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, tài liệu thông tin bảo mật

Bí mật kinh doanh và tài sản trí tuệ : được hiểu là các thông tin, tài liệu thể hiện hoặc lưu trữ dưới các dạng như : văn bản, file máy tính, thư điện tử, hình ảnh, mã code, phần mềm tin học mà Công ty có được và thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình.

Bí mật kinh doanh và tài sản trí tuệ còn được hiểu và thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế (trong trường hợp pháp luật Việt Nam chưa có quy định)

Thông tin bảo mật : là những thông tin thuộc Bí mật kinh doanh và tài sản trí tuệ nêu trên mà Người lao động trong quá trình làm việc tại Công ty biết được hoặc tiếp cận được.

Phù hợp với các quy định ở trên, Công ty quy định những thông tin, tài liệu sau đây là tài sản của Công ty, cần được bảo mật và giữ gìn vì quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

1. Danh sách khách hàng, thông tin khách hàng.
2. Sổ sách tài chính kế toán, chứng từ ngân hàng.
3. Hệ thống các phần mềm cài đặt trên máy vi tính của Công ty.
4. Kế hoạch kinh doanh, Báo cáo hoạt động kinh doanh.
5. Các tài liệu về tình hình tài chính của công ty (vay, nợ, phải thu).
6. Kế hoạch/ý tưởng kinh doanh.
7. Tài liệu mô tả, phân tích thiết kế hệ thống, phần mềm, tài liệu hướng dẫn và các tài liệu được phổ biến nội bộ.
8. Khóa mã bản quyền các phần mềm sử dụng trong Công ty.



Ghi chú: Danh mục tài liệu/thông tin bảo mật nêu trên có thể được Công ty bổ sung vào bất kỳ lúc nào. Khi bổ sung sẽ thông báo cho Người lao động.

9.2. Nghĩa vụ bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ của Người lao động

Bên B có trách nhiệm và cam kết bảo mật tất cả những tài liệu/thông tin bảo mật của Công ty - quy định và nêu tại Khoản 9.1. Điều này.

Bên B cam kết không tự ý sao chép, cung cấp, mua bán hoặc sử dụng những thông tin/tài liệu bảo mật cho bất kỳ ai, vì bất kỳ lý do và mục đích gì nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.

Bên B cam kết không đưa thông tin lên mạng bằng cách phát tán ảnh chụp màn hình phần mềm, một phần hoặc toàn màn hình hoặc bất cứ hành vi nào tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ thông tin thông qua Internet.

Trong trường hợp vi phạm cam kết này, ngoài việc phải chịu hình thức xử lý, kỷ luật như quy định của pháp luật hoặc chấm dứt hợp đồng thử việc, Bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

10.1. Các sự kiện Vi phạm bao gồm: Các Bên trong hợp đồng này vi phạm bất kỳ cam đoan, bảo đảm, cam kết, điều khoản, điều kiện, quy định nào của mình theo Hợp đồng này.

10.2. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng, bên vi phạm phải trả một khoản phạt lên đến 200% (hai trăm phần trăm) giá trị của Hợp đồng. Ngoài ra Bên vi phạm còn phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra.

ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG

11.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép



11.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 12. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 13. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 14. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng lao động sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật

ĐIỀU 15. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

15.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt hiệu lực khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 8 hợp đồng này.

15.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 16. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

16.1. Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng này thì áp dụng quy định của thỏa ước lao động tập thể (nếu có), trường hợp chưa có thỏa ước thì áp dụng quy định của pháp luật lao động hiện hành.



16.2. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện.

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(BÊN A)

NGƯỜI LAO ĐỘNG
(BÊN B)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Số:/...../HDUQ

Hôm nay, ngày..... tháng năm 2023, tại chúng tôi gồm có:

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN (Sau đây gọi tắt là Bên A):

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐÀO TẠO LÁI XE VNCAR

Mã số thuế : **0109852972**

Trụ sở: Số 3 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện: Bà Đào Thị Hoa Chức danh: Giám đốc

Số điện thoại liên hệ: 0868606638

BÊN ỦY QUYỀN (Sau đây gọi tắt là Bên B):

Ông/bà: Sinh năm:

CMND/CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Nơi ở hiện tại:

Số điện thoại:

Sau khi trao đổi, thoả thuận và thống nhất ý kiến, các bên cùng nhau lập Hợp đồng ủy quyền (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với những điều khoản sau đây:

Điều 1: Phạm vi ủy quyền

Bên A sẽ thay mặt Bên B thực hiện các công việc sau: Chuẩn bị hồ sơ sát hạch lái xe, nộp hồ sơ sát hạch lái xe, thu tiền và nộp tiền thi sát hạch vào các Cơ sở đào tạo, Trung tâm Sát hạch lái xe đạt tiêu chuẩn Việt Nam.

Điều 2. Thời hạn ủy quyền

Thời hạn ủy quyền sẽ bắt đầu từ khi các bên ký kết hợp đồng này cho đến khi Bên B hoàn thành bài thi sát hạch lái xe.



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điều 3. Thanh toán, phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

3.1. Bên B sẽ thanh toán cho Bên A tổng chi phí là: VND (*Bằng chữ: ... Việt Nam đồng*).

Chi phí trên bao gồm thù lao ủy quyền, phí trung tâm sát hạch lái xe, phí công chứng, chứng thực, phí chuyển phát. Chi phí trên chưa bao gồm 10% VAT

3.2. Bên B sẽ thanh toán cho Bên A bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B

Số tài khoản: ...

Ngân hàng: ...

Chủ tài khoản: ...

3.3. Thời hạn thanh toán: Bên B sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho Bên A ngay sau khi Các bên ký kết hợp đồng này.

Điều 4. Cam kết của Các bên

4.1. Cam kết của bên ủy quyền

- Bên B cam kết các thông tin mình cung cấp cho Bên A là chính xác
- Bên B cam kết giao kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc
- Bên B cam kết đủ sức khỏe để thi sát hạch và các giấy tờ mình cung cấp là chính xác và hợp pháp
- Bên B cam kết tham gia đúng, đầy đủ các lớp lý thuyết và thực hành đã đăng ký

4.2. Cam kết của bên nhận ủy quyền

- Bên A cam kết các thông tin mình cung cấp cho Bên B là chính xác
- Bên A cam kết giao kết hợp đồng này bằng ý chí tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc
- Bên A cam kết trong khả năng của mình tìm trung tâm sát hạch lái xe phù hợp với các yêu cầu của Bên B

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên

5.1. Quyền và nghĩa vụ của bên ủy quyền

- Yêu cầu Bên A thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc ủy quyền.
- Yêu cầu Bên A giao lại tài sản, lợi ích thu được từ việc thực hiện công việc ủy quyền.
- Được bồi thường thiệt hại, nếu bên A vi phạm nghĩa vụ.
- Cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để Bên A thực hiện công việc.



- Chịu trách nhiệm về cam kết do bên A thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

- Thanh toán chi phí theo cam kết

5.2. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận ủy quyền

- Yêu cầu Bên B cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để thực hiện công việc ủy quyền.

- Được thanh toán chi phí theo cam kết của Các bên

- Thực hiện công việc theo ủy quyền và báo cho Bên B về việc thực hiện công việc đó.

- Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi ủy quyền.

- Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc ủy quyền.

- Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện việc ủy quyền.

- Giao lại cho Bên B tài sản đã nhận và những lợi ích thu được trong khi thực hiện việc ủy quyền

- Bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này.

Điều 6. Chấm dứt hợp đồng trước hạn

6.1. Bên A được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Bên B Đi nghĩa vụ quân sự;

+ Vì lý do sức khỏe;

+ Bên B tự ý nghỉ học quá 02 tháng mà không báo trước bằng văn bản cho Bên A;

+ Bên B từ chối tham gia kỳ thi tốt nghiệp hoặc từ chối tham gia kỳ thi sát hạch cấp bằng lái xe. Trong trường hợp này hợp đồng sẽ kết thúc khi Bên A thông báo về kỳ thi thi sát hạch lái xe mà Bên B không phản hồi hoặc từ chối tham gia mà không có lý do chính đáng hoặc đồng ý tham gia nhưng không tham gia khi đến ngày thi mà không có lý do chính đáng.

+ Bên B vi phạm pháp luật của Nhà nước và Quy chế của trung tâm sát hạch thi bằng lái xe



6.2. Bên B được chấm dứt hợp đồng trước hạn tại bất cứ thời điểm nào nếu xét thấy việc ủy quyền không còn cần thiết.

6.3. Nếu hợp đồng này bị chấm dứt trước hạn, Bên A sẽ không phải hoàn trả lại bất cứ chi phí nào cho Bên B. Nếu có thiệt hại xảy ra do chấm dứt hợp đồng trước hạn thì bên nào gây thiệt hại bên đó phải bồi thường.

Điều 7. Điều khoản bảo lưu

Trong trường hợp Bên B không thể tham gia kỳ thi hoặc khóa đào tạo sát hạch lái xe do bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng khác mà đã thông báo cho Bên A trong vòng 03 ngày trước kỳ thi hoặc trước khóa đào tạo sát hạch lái xe thì Bên A đồng ý bảo lưu công việc và các chi phí liên quan trong không quá 01 năm cho Bên B.

Điều 8. BẤT KHẢ KHÁNG

8.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép

8.2. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến một trong các bên bị suy giảm đáng kể khả năng thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình cho bên còn lại và không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Mọi sự sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được Các Bên cùng đồng ý bằng văn bản

ĐIỀU 10. THÔNG BÁO

Mọi thông báo đưa ra liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của mỗi Bên được nêu ra trong phần đầu của Hợp đồng này hoặc bằng phương thức khác nhưng phải đảm bảo đối phương xác nhận đã nhận được.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên nỗ lực giải quyết trước hết thông qua hòa giải, thương lượng. Nếu hòa giải, thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

ĐIỀU 12. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ chấm dứt nếu thuộc các trường hợp tại Điều 6 Hợp đồng này

12.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trở nên không hợp pháp, mất hiệu lực hoặc không thể thi hành trên bất cứ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc giá trị thi hành của các điều khoản còn lại đều không bị ảnh hưởng hoặc bị suy giảm theo bất kỳ cách thức nào

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CUỐI

13.1. Các bên đã đọc toàn bộ nội dung, hiểu rõ và đồng ý tuân thủ đầy đủ các quy định của Hợp đồng này.

13.2. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt và có hiệu lực pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để lưu và làm cơ sở thực hiện./.

BÊN A

BÊN B



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, Ngày 25 tháng 11 năm 2023

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

ĐỒNG PHỤC

SỐ:

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ vào thỏa thuận của hai Bên.

Hôm nay tại Hà Nội, chúng tôi gồm đại diện cho các bên tham gia ký kết Hợp Đồng Mua Bán bao gồm:

BÊN MUA:

Địa chỉ :
Điện thoại :
Mã số thuế :
Tài khoản :
Đại diện :
Chức vụ :

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

BÊN BÁN:

Địa chỉ :
Điện thoại :
Tài khoản :
Mã số thuế :
Đại diện :
Chức vụ :

(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh.

Các Bên cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa (“Hợp Đồng”) này với



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: MÔ TẢ HÀNG HÓA, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ VÀ TRỊ GIÁ:

STT	Giới tính		Sản phẩm	Chất liệu	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	QL	Nam	Áo vest	Crecutext	Chiếc	8	3.610.000	28.880.000
2			Quần âu		Chiếc	8	1.400.000	11.200.000
3		Nữ	Áo vest		Chiếc	5	3.080.000	15.400.000
4			Quần âu/chân váy		Chiếc	6	1.400.000	8.400.000
5	NV	Nam	Áo vest	Uniform Cotton Italy	Chiếc	12	1.290.000	15.480.000
6			Quần âu		Chiếc	12	480.000	5.760.000
7		Nữ	Áo vest		Chiếc	19	1.150.000	21.850.000
8			Quần âu/chân váy		Chiếc	19	480.000	9.120.000
9	Nam/ nữ		Áo sơ mi	Bamboo	Chiếc	83	540.000	44.820.000
Tổng tiền								160.910.000
Chiết khấu								6.400.000
Tổng tiền sau chiết khấu								154.510.000
VAT 8%								12.360.800
Tổng tiền thanh toán								166.870.800

ĐIỀU 02: MẪU MÃ, MÀU SẮC VÀ CHẤT LƯỢNG



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM
 Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
 • **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

2.1. Mẫu mã và chất liệu:

- Hai Bên quy định chi tiết về kỹ thuật và sản phẩm, bao gồm: Mẫu thiết kế, Mẫu logo mẫu vải, mẫu may thực tế, phiếu duyệt mẫu... đã được hai Bên ký xác nhận. Sản phẩm được sản xuất theo mẫu thiết kế mà Bên A gửi cho Bên B và được Bên B chấp thuận thiết kế đó.
- Sản phẩm theo quy định tại Điều 1 được sản xuất theo ý tưởng của Bên A đưa ra, Bên B có trách nhiệm thiết kế theo đúng ý tưởng, yêu cầu của Bên A. Mẫu sản phẩm cuối cùng là mẫu được Bên A chấp thuận và ký xác nhận.

2.2. Chất lượng Sản phẩm:

- Bên B đảm bảo chất lượng sản phẩm giao còn nguyên mới 100% chưa qua sử dụng, không hư hỏng, rách, lỗi. Chất lượng, số lượng nguyên phụ liệu, của sản phẩm đúng như mẫu đã được Bên A duyệt và theo đúng nội dung quy định tại hợp đồng này.
- Trong vòng 5 (năm) ngày kể từ khi nhận được hàng hoặc trong quá trình sử dụng sản phẩm của Bên B bị lỗi nếu Bên A nhận thấy hàng hóa phải chỉnh sửa lại thì Bên A có nghĩa vụ phải báo lại ngay cho Bên B.
- Thời gian sửa chữa của Bên B tối đa là 07 ngày (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu và hàng hóa chỉnh sửa của Bên A.
- Bên B có trách nhiệm sửa chữa theo yêu cầu của Bên A theo quy cách và mẫu thiết kế đã được hai Bên phê duyệt.

2.3. Quy cách sản phẩm hoàn thiện:

- Sản phẩm hoàn thiện phải được rạch khuyết cẩn thận, rạch khuyết hết múi thừa, được giặt chỉ sạch sẽ, không có chỉ thừa.
- Sản phẩm được đóng gói vào bao bì nilon/1 sản phẩm và có ghi tên riêng từng cán bộ
- Thử phom và thống nhất phom trước khi hoàn thiện sản phẩm.

ĐIỀU 03: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG:

3.1. Thời gian giao hàng: 20 ngày (không kể chủ nhật, ngày lễ) tính từ ngày Bên B nhận được tiền tạm ứng và sau khi Bên B đã thực hiện đo size của toàn bộ nhân sự Bên A tùy điều kiện nào đến trước

3.2. Địa điểm giao hàng:

Tại văn phòng công ty Bên A như sau:

Tại Hà Nội: **30 LK1, khu đô thị Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội**

Tại Hải Phòng: **Lô CN2, cụm CN Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, Tp Hải Phòng**

3.3. Thủ tục giao nhận hàng:

- a) Thông báo trước khi giao hàng:



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Trước khi giao hàng, Bên B phải gửi thông báo qua điện thoại, fax, email hoặc công văn theo địa chỉ nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này cho Bên A trước ít nhất 02 (hai) ngày. Nếu Bên B vi phạm quy định này thì Bên A có quyền nhận hoặc không nhận hàng. Trường hợp Bên A không thể giao hàng đúng ngày quy định tại Điều này, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản trước ít nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc.

b) Lập Biên Bản Giao Nhận

Tại thời điểm bàn giao của mỗi đợt giao Hàng Hóa và Bên A đồng ý nhận Hàng Hóa, Hai Bên sẽ cùng nhau lập Biên bản giao nhận Hàng Hóa (“Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa”) do đại diện có thẩm quyền của Hai Bên cùng ký, trong đó ghi rõ Hàng Hóa được bàn giao, số lượng Hàng Hóa được bàn giao, tình trạng Hàng Hóa được giao (bao gồm những Hàng Hóa đã đáp ứng yêu cầu, phải sửa chữa). Trường hợp phát hiện Hàng Hóa có lỗi so với yêu cầu tại Hợp Đồng này nhưng Bên A vẫn quyết định nhận bàn giao Hàng Hóa có lỗi này và yêu cầu Bên B phải thay thế mới, Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa sẽ ghi nhận số Hàng Hóa có lỗi này và yêu cầu thay thế mới của Bên A. Trường hợp hàng hóa cần chỉnh sửa, sửa chữa Bên B thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại mục 2.2

Hai Bên thống nhất rằng việc Bên A nhận Hàng Hóa và ký vào Biên Bản Giao Nhận Hàng Hóa không loại trừ quyền trả lại Hàng Hóa và/hoặc quyền yêu cầu đổi Hàng Hóa nếu Hàng Hóa không đảm bảo yêu cầu nêu tại Hợp Đồng này và không loại trừ trách nhiệm đảm bảo chất lượng Hàng Hóa và bảo hành Hàng Hóa của Bên B theo quy định của Hợp Đồng này và pháp luật.

ĐIỀU 04 : GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Giá trị Hợp Đồng

- a) Giá Trị Hợp Đồng đối với toàn bộ Hàng Hóa quy định tại Điều 1 của Hợp Đồng này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là: **154.510.000 VNĐ** (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tư triệu, năm trăm mười nghìn đồng*). Thuế giá trị gia tăng được áp dụng theo thuế suất quy định của Nhà nước.
- b) Giá Trị Hợp Đồng là tạm tính. Giá trị quyết toán của Hợp Đồng sẽ căn cứ vào số lượng Hàng Hóa thực tế Bên A bàn giao được Bên B chấp thuận nhận bàn giao và ký xác nhận (“Giá Trị Quyết Toán”).

4.2. Thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B chia thành 2 đợt như sau:

- a) Đợt 1 :
- Kể từ ngày Hợp Đồng này có hiệu lực đồng thời Bên A đã nhận được đủ hồ sơ thanh toán đợt 1 của Bên B bao gồm : Đề nghị thanh toán đợt 1, Hợp Đồng bản gốc, Bên A sẽ tạm ứng cho



Bên B 50% Giá Trị Hợp Đồng tương ứng với số tiền là: **83.435.400 VND** (Bằng chữ : Tám mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm đồng).

- Hình thức thanh toán tiền tạm ứng : Chuyển khoản vào số tài khoản của Bên B

b) Đợt 2 :

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ Hàng Hóa của Bên B theo yêu cầu chất lượng của Bên A, đồng thời Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của B, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đủ Giá Trị Quyết Toán theo giá trị được ghi nhận tại Biên bản bàn giao nghiệm thu có xác nhận của Hai Bên sau khi trừ đi số tiền thanh toán Đợt 1.

c) Hồ sơ thanh toán:

- Đề nghị thanh toán
- Biên bản bàn giao nghiệm thu có xác nhận của hai bên: bản gốc
- Hóa đơn tài chính hợp lệ tương ứng: bản gốc

4.3. Đồng tiền và phương thức thanh toán

- a) Việc thanh toán được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B như được nêu chi tiết ở phần đầu của Hợp Đồng này.

- b) Đồng tiền thanh toán: Tiền đồng Việt Nam.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ MỖI BÊN

5.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Có quyền yêu cầu Bên B giao Hàng Hóa theo đúng tiến độ quy định tại Hợp Đồng này.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình triển khai thực hiện bàn giao Hàng Hoá.
- Cử đại diện nhận Hàng Hóa, kiểm tra số lượng và chất lượng Hàng Hóa và ký Biên Bản Giao Hàng Hóa sau khi đã xác nhận sản phẩm đạt yêu cầu
- Có trách nhiệm thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho Bên B theo quy định tại Hợp Đồng này.
- Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo Điều 4 của Hợp Đồng, thì Bên A phải chịu lãi suất 0.5%/ ngày trên toàn bộ giá trị của phần chưa thanh toán. Nếu quá 20 (hai mươi) ngày mà Bên A không thanh toán cho Bên B thì sẽ thực hiện Hợp Đồng theo điều 6 của Hợp Đồng này.
- Có quyền yêu cầu Bên B chỉnh sửa, sửa chữa Hàng Hóa theo đúng yêu cầu đã được thống nhất giữa Hai Bên.
- Có quyền từ chối không ký vào Biên Bản bàn giao nếu sản phẩm của Bên B không đáp ứng được tất cả các nội dung được quy định tại Hợp Đồng này.
- Có quyền yêu cầu Bên B thanh toán cho Bên A các khoản tiền bồi thường, phạt vi phạm hoặc thay thế mới nếu sản phẩm giao Bên B không thể khắc phục được/sai mẫu thiết kế mà Bên A



đã duyệt.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

5.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Chịu trách nhiệm giao hàng đến đúng địa chỉ được quy định trong Điều 3. Nếu bên B giao hàng chậm tiến độ phải chịu lãi suất 0.5%/ ngày trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Nếu giao hàng chậm quá 07 ngày (bảy ngày) thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng và Bên B hoàn trả lại Bên A toàn bộ số tiền đã đặt cọc.
- Đảm bảo về chất lượng, kiểu dáng của sản phẩm và thời gian thực hiện Hợp Đồng.
- Đảm bảo việc cắt may đồng phục của Bên A có thể điều chỉnh nới hoặc bó trong phạm vi cho phép tùy theo đặc từng vị trí đặc thù của sản phẩm như eo, bụng, ống.
- Có trách nhiệm làm lại hoặc chỉnh sửa những sản phẩm không đạt yêu cầu của Bên A trong vòng 07 ngày sau khi nhận hàng.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

ĐIỀU 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện. Hợp Đồng này, trước tiên sẽ được Các Bên giải quyết trên tinh thần hòa giải, thiện chí, tôn trọng lợi ích của nhau. Trong trường hợp không thể giải quyết bằng đàm phán và thương lượng thì tranh chấp sẽ được Hai Bên đề nghị Toà án có thẩm quyền tại thành phố Hà Nội giải quyết theo quy định của Pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

7.1. Trong Hợp Đồng, "Bất khả kháng" có nghĩa là sự kiện, tình huống hoặc sự kết hợp các sự kiện hoặc tình huống được mô tả ở Khoản 7.2 Điều này làm ngăn cản toàn bộ hay một phần, gây trì hoãn cho một hoặc Các Bên trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng.

7.2. Bất khả kháng bao gồm, nhưng không giới hạn ở các trường hợp sau: Các hiện tượng tự nhiên bao gồm thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, lũ lụt, sóng thần, xoáy lốc, hạn hán, động đất hoặc chiến tranh, hành động xâm lược, khủng bố, bạo loạn, nội chiến, hoặc các hành động thù địch khác.

7.3. Thông báo:

Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không được muộn hơn 03 (ba) ngày kể từ sau khi thông tin liên lạc đã sẵn sàng phục hồi. Bất cứ thông báo nào cũng sẽ bao gồm đầy đủ chi tiết về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng, tác động của nó với Bên bị ảnh hưởng đối với việc thực hiện nghĩa vụ Hợp Đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các



biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý.

7.4. Hậu quả của Bất khả kháng:

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm hoặc bị coi là vi phạm Hợp Đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng khi xảy ra Bất khả kháng. Ngay sau khi sự cố Bất khả kháng chấm dứt, Các Bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Hợp Đồng nếu không có yêu cầu nào khác từ một trong Các Bên.

7.5. Nếu một Bên do Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định Hợp Đồng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra Bất khả kháng, thì một trong Các Bên sau đó đều có quyền chấm dứt Hợp Đồng. Thông báo về việc chấm dứt Hợp Đồng phải được gửi tới Bên còn lại tối thiểu là 30 (ba mươi) ngày trước khi chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ được coi là chấm dứt sau khi hết hạn thông báo đó.

7.6. Bất cứ nghĩa vụ nào của Mỗi Bên này sinh trước khi xuất hiện Bất khả kháng đều không được miễn trừ do sự xuất hiện Bất khả kháng.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng những thoả thuận trong Hợp Đồng này. Các nội dung không quy định cụ thể trong Hợp Đồng này sẽ được Các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Bên cam kết đã có đầy đủ sự chấp thuận, cho phép theo thẩm quyền trong nội bộ của mình khi tham gia, ký kết và thực hiện Hợp Đồng này.

8.2. Thoả thuận toàn bộ

Hợp Đồng này, bao gồm cả các Phụ lục đính kèm (nếu có), thể hiện thoả thuận toàn bộ giữa Các Bên, và thay thế mọi thoả thuận, cam kết, và ngầm hiểu giữa Các Bên liên quan đến Hợp Đồng này. Sẽ không có bất kỳ sự thay đổi, sửa đổi, bổ sung hay từ bỏ nào đối với Hợp Đồng này có thể ràng buộc Các Bên trừ khi có thoả thuận bằng văn bản giữa Bên A và Bên B.

8.3. Bảo mật thông tin

Hợp đồng này là thông tin thương mại mật giữa Hai Bên. Trừ trường hợp do yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Các Bên có trách nhiệm bảo mật các nội dung của Hợp Đồng.

8.4. Hợp Đồng này và các Phụ lục kèm theo (nếu có) được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐỂ LÀM BẰNG, với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp pháp của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

- **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
- **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG THIẾT KẾ

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội khóa XI, kỳ họp thứ 4;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 16/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng;

Căn cứ hồ sơ thiết kế kỹ thuật xây dựng công trình;

Căn cứ vào nhu cầu năng lực của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 202, Tại Văn phòng Công ty Cổ Phần Xây dựng và Cải Tạo Focus Home, Chúng tôi gồm có:

BÊN GIAO THẦU (BÊN A):

Đại diện: Ông (Bà).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

CCCD số:..... cấp ngày...tháng...năm.....tại Cục QLHC về TTXH.

BÊN NHẬN THẦU (BÊN B):

Đại diện: Ông (Bà).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

CCCD số:..... cấp ngày...tháng...năm.....tại Cục QLHC về TTXH

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A giao cho Bên B triển khai thiết kế nội thất (kiến trúc) Căn Nhà (Căn Hộ) tại địa chỉ.....

- Diện tích thiết kế là :m², với đơn giá thiết kế là **195.000 VNĐ/m²** .

- Nội dung công việc như sau:



Nội dung công việc : Bên B sẽ thực hiện những việc sau đây :

- Khảo sát hiện trạng.
- Thiết kế bản vẽ phối cảnh 3 chiều.
- Thiết kế mặt bằng bố trí nội thất.
- Cung cấp hồ sơ chi tiết nội thất (kiểu dáng, màu sắc, chất liệu, qui cách kỹ thuật).
- Thiết kế chi tiết hệ thống điện, nước, mạng (nếu có).
- Thiết kế sân vườn, tiểu cảnh (nếu có).
- Tổ chức thi công và giám sát (nếu Bên A yêu cầu).
- Mua vật liệu cùng Bên A theo đúng thiết kế (nếu Bên A yêu cầu).

Hồ sơ thiết kế và Phương thức bàn giao:

Hồ sơ thiết kế nội thất chi tiết gồm:

- Các mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt.
- Phối cảnh tổng thể công trình.
- Các chi tiết kiến trúc phục vụ thi công.

Hồ sơ kỹ thuật đầy đủ gồm:

- Bảng mô tả chi tiết thi công (kiểu dáng, màu sắc, chất liệu, qui cách kỹ thuật); mã số sơn tường
- Các hồ sơ kỹ thuật chi tiết liên quan (điện, nước...).

Phương án được Bên A lựa chọn sẽ được in ra với đầy đủ hồ sơ thiết kế nội thất chi tiết và hồ sơ kỹ thuật khi Bên B bàn giao cho Bên A khi hai Bên ký thanh lý hợp đồng.

Tiến độ thực hiện hợp đồng:

Bên B sẽ triển khai công việc cho Bên A theo từng giai đoạn:

Giai đoạn 1: Bắt Đầu Thiết Kế

Hồ sơ phác thảo ý tưởng bao gồm:

- Các mặt bằng bố trí.
- Thuyết minh ý tưởng.
- Ảnh minh họa.
- Các mặt bằng bố trí nội thất.
- Các mặt đứng.
- Phối cảnh nội thất các phòng.
- Thời gian : ngày – Tính từ thời điểm ký hợp đồng

Giai đoạn 2: Sau Khi Chốt Thiết Kế

Hồ sơ thiết kế (Bao gồm hồ sơ nội thất và Hồ sơ kỹ thuật) bao gồm:

- Các mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt.



- Phối cảnh tổng thể công trình.
- Các chi tiết kiến trúc phục vụ thi công.
- Bảng mô tả vật liệu thi công.
- Các hồ sơ kỹ thuật chi tiết liên quan (điện, nước...).
- Thời gian : ngày – Tính từ thời điểm chốt hợp đồng:

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT, MỸ THUẬT

- Bên B thực hiện dịch vụ thiết kế để thi công kiến trúc tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy định, quy phạm chuyên ngành của nhà nước.
- Đảm bảo thiết kế theo đúng tiêu chuẩn, chất lượng và kỹ thuật mà Bộ Xây Dựng Việt Nam đã quy định và phải được Bên A xem xét, chấp thuận.
- Các tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật trên cơ sở định mức công bố của nhà nước có điều chỉnh phù hợp với yêu cầu và mục đích đầu tư của Bên A.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

3.1. Thời gian thực hiện:

- Thời gian bắt đầu: kể từ khi hợp đồng được ký kết sau khi thống nhất phương án mặt bằng

3.2. Thời gian triển khai dịch vụ hợp đồng trên được tính toán trên cơ sở:

- Bên A thống nhất với Bên B nội dung phương án thiết kế.
- Không có sự thay đổi phương án thiết kế của Bên A khi phương án sơ bộ hoặc các phần khác sau khi hai Bên đã thống nhất.
- Không bao gồm thời gian chờ phê duyệt phương án, thời gian thẩm tra, thẩm định
- Khi có sự thay đổi trong thiết kế theo yêu cầu của Bên A, thời gian tiến hành dịch vụ hợp đồng được hai Bên xem xét thống nhất lại.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Cung cấp đầy đủ tài liệu và hồ sơ đất đai liên quan đến công trình xây dựng.
- Cung cấp thông tin số liệu về công trình khi có yêu cầu từ Bên B
- Thực hiện nghĩa vụ tạm ứng và thanh toán theo đúng quy trình tài chính có trong hợp đồng.
- Thực hiện nghĩa vụ của Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Nếu Bên A thuê Bên B thi công thì sẽ được miễn 100% phí thiết kế ban đầu, nếu không sẽ phải thanh toán toàn bộ phí như đã thỏa thuận theo Hợp đồng.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B



- Thiết kế theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn của nhà nước và yêu cầu của Bên A.
- Thực hiện hợp đồng theo đúng nội dung và tiến độ đã thống nhất
- Cung cấp cho Bên A các tài liệu kỹ thuật phải phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Việt Nam.

ĐIỀU 5: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

5.1. Giá trị hợp đồng: Tạm tính diện tích là.....m², đơn giá: **195.000 VNĐ/m²**.

Tổng giá trị hợp đồng:VNĐ.

(Bằng chữ:)

5.2. Điều khoản thay đổi:

- Sau khi Bên A đã thống nhất phương án thiết kế công trình hoặc các hạng mục công trình với Bên B và Bên B đã giao các bản vẽ chi tiết cho Bên A nếu Bên A có những yêu cầu thay đổi thiết kế dẫn đến việc phát sinh công việc thì giá trị hợp đồng được xem xét và thay đổi phù hợp với việc phát sinh công việc.

ĐIỀU 6: THANH TOÁN

6.1. Phương thức thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đồng tiền giao dịch là đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

6.2. Điều khoản tạm ứng và thanh toán:

Đợt 1: Ngay sau khi ký hợp đồng thì Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 70% giá trị hợp đồng;

Số tiền:..... VNĐ.

(Bằng chữ:.....)

Đợt 2: Sau khi Bên B bàn giao toàn bộ hồ sơ thiết kế chi tiết thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền còn lại tương đương với 30% của hợp đồng:

Số tiền:..... VNĐ.

(Bằng chữ:.....)

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

Những tình huống xảy ra ngoài tầm kiểm soát của cả hai Bên như hoả hoạn, thiên tai, chiến tranh, hoạt động quân sự ở mọi dạng, làm cho một trong hai Bên hoặc cả 2 Bên không thể thực hiện một phần hay toàn phần nghĩa vụ do hợp đồng quy định sẽ được coi là tình huống bất khả kháng. Khi xảy ra tình huống bất khả kháng, thời gian hoàn thành công việc sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian xảy ra tình huống bất khả kháng. Tình trạng vỡ nợ của bất cứ Bên nào cũng không được coi là tình huống bất khả kháng.

Bên A và Bên B càng sớm càng tốt, cố gắng hết sức loại bỏ tình huống bất khả kháng. Nếu trong vòng 05 (năm) ngày tình huống bất khả kháng không thể loại bỏ, các Bên sẽ gặp gỡ tìm cách giải quyết có tính đến quyền lợi của mỗi bên.



ĐIỀU 8: GIA HẠN HỢP ĐỒNG

Thời gian thực hiện Hợp đồng nêu tại Điều 2 của Hợp đồng chỉ được Bên A gia hạn trong các trường hợp sau:

Trường hợp do lỗi của Bên A như thay đổi, điều chỉnh quy mô, tính chất dự án; đưa ra các chỉ dẫn sai lệch gây ảnh hưởng đến quá trình thực hiện công việc của Bên B.

Các trường hợp bất khả kháng như mưa bão, thiên tai,.....

Khi gặp một trong các trường hợp quy định nêu trên, trong vòng 05 ngày, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A, thông báo này phải nêu rõ nguyên nhân sự việc và đề xuất, kiến nghị với Bên A về khoảng thời gian thực hiện sẽ bị kéo dài so với quy định tại Điều 2 của Hợp đồng. Trường hợp trong thời hạn 05 ngày nêu trên mà Bên B không thông báo hoặc không có đề xuất kiến nghị gì thì Điều 2 của Hợp đồng vẫn được áp dụng. Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đề nghị gia hạn của Bên B mà Bên A không trả lời thì thời gian đề nghị kéo dài nêu trong thông báo của Bên B coi như đã được Bên A mặc nhiên chấp nhận

ĐIỀU 9: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này hoặc do sự diễn giải về Hợp đồng sẽ được Bên A và Bên B cố gắng hết sức để giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải.

Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian tối đa là 20 ngày, bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết bằng tòa án. Tòa án được các Bên lựa chọn là Tòa án kinh tế Thành Phố Hà Nội. Quyết định của Tòa án kinh tế Thành Phố Hà Nội sẽ là chung thẩm, buộc các Bên phải thi hành.

Khi phân xử các tranh chấp phải dựa trên các điều khoản quy định của hợp đồng này và luật pháp của Việt Nam.

Mọi chi phí liên quan đến việc kiện tụng và phân xử của Tòa án sẽ do Bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Thành phần của Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

Văn bản Hợp đồng;

Các tài liệu kèm theo khác liên quan.

Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp đồng sẽ được các Bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước về bảo mật.

Hai Bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

Hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được đại diện của hai Bên ký, đóng dấu, và hoàn thiện hợp đồng.



Hợp đồng sẽ kết thúc sau khi Bên B hoàn thành tất các công việc nêu ở Điều 1 và hai Bên thực hiện hoàn tất các thủ tục thanh toán, thanh lý Hợp đồng theo Luật định.
Hợp đồng này được làm thành 02 bộ có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bộ, Bên B giữ 01 bộ ./.

Hà Nội, Ngày tháng năm 202

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Hà Trọng Trung



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

- **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
- **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội



DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG VIỆT NAM

Tư vấn dịch vụ công cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

- **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
- **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG
GIAO KHOẢN NHÂN CÔNG XÂY DỰNG

- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;
- Căn cứ sự thoả thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 1 tháng 11 năm 2023 tại Văn phòng Công ty Cổ Phần Xây dựng và Cải Tạo Focus Home, Chúng tôi gồm có:

BÊN A: ...

(Bên giao khoán)

Đại diện: ... Chức vụ: ...

Địa chỉ: ...

Mã số thuế: ...

Số tài khoản: ...

Chủ tài khoản: ...

Tại ngân hàng: ...

BÊN B: (Bên nhận khoán)

Đại diện: Ông **Vũ Văn Đức**

Số điện thoại: 0978.468.388

Địa chỉ: Thôn My Thượng, Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội

CCCD số: 001085015820 Cấp ngày 22./11/2021 tại Cục QLHC về TTXH.

Sau khi trao đổi và bàn bạc hai bên đã cùng nhau thống nhất ký kết Hợp đồng thi công xây dựng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung và tiến độ thi công công trình:

1.1. Tên công trình: Cải tạo nhà tầng 3

Địa điểm xây dựng công trình: P207, nhà B3, ngõ 1 Khâm Thiên, Hà Nội

Quy mô công trình: Sửa chữa cải tạo nhà dân dụng

1.2. Tiến độ thi công công trình:



• **ĐT:** 0902251359 / **Email:** info@dichvucong.vn
• **Địa chỉ:** P402, Tầng 4, Tháp A, Keangnam, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

- Ngày bắt đầu thi công: 2/11/2023

- Ngày hoàn thành thi công: 22/11/2023

1.3. Công việc của Bên B bao gồm các công việc được ghi trong phần Phụ lục hợp đồng

1.4. Trong trường hợp có khối lượng công việc phát sinh trong thời gian thực hiện hợp đồng thì hai bên thống nhất theo thỏa thuận.

Điều 2. Thời hạn hợp đồng.

Theo tiến độ thi công công việc của đề cương nhiệm vụ được duyệt.

Điều 3. Phân công trách nhiệm và phân chia kết quả kinh doanh

3.1. Phân công trách nhiệm

Bên A sẽ cung cấp cho Bên B những hồ sơ về các vấn đề về pháp lý, cũng như những sơ đồ bản vẽ đối với phần mà Bên B nhận Thi công thuộc hệ thống công trình tại P207, nhà B3, ngõ 1 Khâm Thiên, Hà Nội.

Bên B sẽ chịu trách nhiệm phân phối nhân công tiến hành đầy đủ các hoạt động thi công, xây dựng đối với hệ thống công trình tại P207, nhà B3, ngõ 1 Khâm Thiên, Hà Nội.

3.2. Chi phí hoạt động

Chi phí cho hoạt động bao gồm:

- Chi phí tổ chức thực hiện bên B lo
- Chi phí hồ sơ, khảo sát, thiết kế bên A lo

Điều 4. Các nguyên tắc tài chính

Hai bên phải tuân thủ các nguyên tắc tài chính kế toán theo qui định của pháp luật về kế toán của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Mọi khoản thu chi cho hoạt động kinh doanh đều phải được ghi chép rõ ràng, đầy đủ, xác thực.

Điều 5. Ban điều hành hoạt động

Hai bên sẽ thành lập một Ban điều hành hoạt động thi công, xây dựng gồm có đại diện hai bên là lãnh đạo và các chuyên viên phù hợp với từng công việc chuyên môn. Trong đó Bên A sẽ cử ông Dương Đức Duy, Bên B sẽ cử ông Vũ Văn Đức đại diện khi cần phải đưa ra các quyết định liên quan đến nội dung hợp tác được quy định tại Hợp đồng này. Mọi quyết định của Ban điều hành sẽ được thông qua khi có ít nhất 02 thành viên đồng ý.

Trụ sở của ban điều hành đặt tại: CT3-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

6.1. Chịu trách nhiệm về tính pháp lý, chính xác của hồ sơ tài liệu cung cấp



6.2. Đảm bảo phối hợp hỗ trợ bên B trong quá trình thực hiện.

6.3. Thanh toán cho Bên B theo đúng điều khoản thanh toán quy định của hợp đồng này.

6.4. Cử Giám sát kiểm tra và lập các biên bản nghiệm thu và xác nhận khối lượng công việc cho Bên B như theo quy định của hợp đồng này. Trường hợp phát hiện có phần xây lắp chưa đạt yêu cầu, Bên A có quyền không ký vào biên bản nghiệm thu, không nhận bàn giao và yêu cầu Bên B thi công lại.

6.5. Có trách nhiệm xác nhận công tác phát sinh để làm cơ sở cho việc nghiệm thu và thanh toán.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

7.1. Có trách nhiệm thực hiện, quản lý, điều hành toàn bộ quá trình thi công, xây dựng. Đưa nhân công, máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của mình vào sử dụng. Chịu trách nhiệm và đảm bảo kết quả công trình có chất lượng đáp ứng được yêu cầu của dự án sau này theo đúng quy định.

7.2. Triệt để tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật trong quá trình thi công, xây dựng.

7.3. Hạch toán toàn bộ thu chi của quá trình thi công, xây dựng theo đúng các quy định của pháp luật về tài chính kế toán của Việt Nam.

7.4. Trực tiếp chịu trách nhiệm tuyển dụng, quản lý, điều động cán bộ, công nhân để thực hiện công việc. Lên kế hoạch trả lương và các chế độ khác cho công nhân, cán bộ làm việc tại dự án.

7.5. Có trách nhiệm quản lý, đảm bảo an ninh, an toàn lao động trên công trình và tuân thủ mọi nội quy, quy chế của chủ đầu tư, chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tai nạn lao động trên công trường.

7.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về kỹ thuật và chất lượng xây lắp toàn bộ công trình, bảo đảm thi công theo thiết kế phù hợp với dự toán đã được duyệt; xây dựng đúng quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng, chất lượng công trình (trong trường hợp thi công sai thiết kế đã được duyệt).

7.7. Chịu toàn bộ trách nhiệm về an toàn lao động cho công nhân làm việc trên công trường do mình quản lý.

7.8. Có trách nhiệm bảo hành công trình khi có sự cố xảy ra. Thời gian bảo hành đi cùng trách nhiệm với công ty

Điều 8. Điều khoản chung

8.1. Hợp đồng này được hiểu và chịu sự điều chỉnh của Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

8.2. Hai bên cam kết thực hiện tất cả những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng. Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia (trừ trong trường hợp bất khả kháng) thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra.



Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu bên nào có khó khăn trở ngại thì phải báo cho bên kia trong thời gian sớm nhất kể từ ngày có khó khăn trở ngại.

8.3. Các bên có trách nhiệm thông tin kịp thời cho nhau tiến độ thực hiện công việc. Đảm bảo bí mật mọi thông tin liên quan tới quá trình sản xuất kinh doanh.

Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này đều phải được làm bằng văn bản và có chữ ký của hai bên. Các phụ lục là phần không tách rời của hợp đồng.

8.4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng được giải quyết trước hết qua thương lượng, hoà giải, nếu hoà giải không thành việc tranh chấp sẽ được giải quyết tại Toà án có thẩm quyền.

Điều 9: Giá trị hợp đồng:

Giá trị hợp đồng tạm tính theo bản dự toán kèm theo: 114.954.000 VNĐ. (Không bao gồm thuế VAT 10%)

(Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu chín trăm năm mươi tư nghìn đồng chẵn /.)

Giá Hợp đồng bao gồm tất cả các chi phí để thực hiện toàn bộ các nội dung công việc nêu tại Điều 1 của Hợp đồng.

Giá trị trên sẽ không thay đổi trong thời gian thực hiện Hợp đồng. Trừ các trường hợp sau:

- Có phát sinh tăng khối lượng ngoài hồ sơ thiết kế và ngoài bảng báo giá được các Bên A - B yêu cầu và xác nhận.
- Có phát sinh giảm khối lượng trong hồ sơ thiết kế hoặc trong bảng báo giá được các Bên A - B yêu cầu và xác nhận.

Đơn giá trong bản dự toán của Bên B gửi cho Bên A là cơ sở để tính phát sinh tăng hoặc giảm sau này.

Mọi sự thay đổi nội dung của hợp đồng hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng đều phải được thực hiện bằng văn bản (bằng phụ lục hoặc biên bản bổ sung hợp đồng) và được sự đồng ý của các Bên A - B.

Các yêu cầu kỹ thuật và chi phí phát sinh (nếu có) được các bên thống nhất sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B khi tiến hành quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Điều 10. Phương thức và điều kiện thanh toán

10.1. Phương thức thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đồng tiền giao dịch là đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

10.2. Điều khoản tạm ứng và thanh toán:

Đợt 1: Bên A tạm ứng 30% giá trị hợp đồng, số tiền là **34.486.000 VNĐ** để đặt cọc đảm bảo cho Bên B những nội dung đã cam kết trong hợp đồng này.



(Bằng chữ: Ba mươi tư triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng chẵn/.)

Đợt 2: Sau 15 ngày thi công, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 40% giá trị hợp đồng, số tiền:.....VND

(Bằng chữ:..... /.)

Đợt 3: Khi chủ đầu tư nghiệm thu, tất toán và đưa công trình vào sử dụng sau 15 ngày Bên A sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại của hợp đồng:VND.

(Bằng chữ:..... /.)

(Đợt này có thể thay đổi giá trị nếu Bên A có thay đổi thiết kế so với thiết kế ban đầu. Các phần thay đổi đều phải có biên bản thống nhất giữa hai bên.)

Điều kiện thanh toán

Tương ứng với các lần thanh toán, Bên B phải có các chứng từ sau :

- Biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng hoàn thành giai đoạn công việc có chữ ký của giám sát Bên A.
- Công văn đề nghị thanh toán tương ứng với số tiền đề nghị thanh toán.

Nếu Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng thì số tiền trên sẽ được hoàn trả cho Bên A.

Nếu Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng thì số tiền trên sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật và thuộc về Bên B.

Điều 11. Hiệu lực Hợp đồng

Hợp đồng chấm dứt khi hết thời hạn hợp đồng theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc các trường hợp khác theo qui định của pháp luật.

Khi kết thúc Hợp đồng, hai bên sẽ làm biên bản thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng này gồm 05 (năm) trang không thể tách rời nhau, được lập thành 02 (hai) bản bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hà Nội, ngày 1 tháng 11 năm 2023

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Dương Đức Duy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh/thành phố, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội khóa XI, kỳ họp thứ 4;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 16/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng;

Căn cứ hồ sơ thiết kế kỹ thuật xây dựng công trình;

Căn cứ vào nhu cầu năng lực của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2024, Tại Văn phòng Công ty Cổ Phần Xây dựng và Cải Tạo Focus Home, Chúng tôi gồm có:

BÊN GIAO THẦU (BÊN A):

Đại diện: Ông (Bà).....

Địa chỉ:

Điện thoại:

CCCD số:cấp ngàytại Cục QLHC về TTXH.

BÊN NHẬN THẦU (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CẢI TẠO FOCUS HOME

Đại diện: Ông **Hà Trọng Trung** Chức vụ: **Giám Đốc**

Địa chỉ: Tầng 3, Số 588 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0110337528

Số tài khoản: **1 688 688 999**

Chủ tài khoản: Trịnh Anh Tuấn



Tại ngân hàng: VPBank – Ngân hàng Thương Mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Sau khi trao đổi và bàn bạc hai bên đã cùng nhau thống nhất ký kết Hợp đồng thi công xây dựng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc và các yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Nội dung công việc

Bên A giao và Bên B nhận thi công toàn bộ phần vật tư và nhân công để sửa chữa các hạng mục theo như bảng báo giá đã được hai bên thống nhất.

Quy mô xây dựng:

+ Cấu tạo công trình: Công trình xây dựng kiên cố, riêng lẻ

1.2. Phạm vi công việc:

Bên B phải cung cấp toàn bộ lao động, quản lý, thiết bị và vật tư trong phạm vi công việc của mình nhằm thực hiện các công việc ghi ở Điều 1.

Thiết lập toàn bộ quy trình, hệ thống quản lý, báo cáo đầy đủ nhằm kiểm soát chất lượng cũng như tiến độ một cách chặt chẽ cho Bên A đầy đủ các thông tin để có thể đánh giá công việc, tiến độ một cách độc lập.

1.3. Yêu cầu kỹ thuật:

Tiêu chuẩn kỹ thuật khi thi công:

Theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành.

Điều 2: Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng:

Tổng thời gian để Bên B thực hiện hoàn thành toàn bộ nội dung công việc nêu tại Điều 1 của Hợp đồng là..... ngày (bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ), kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng thi công.

Nhà thầu có trách nhiệm thi công công trình sau khi ký Hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng công trình và phải tiến hành thi công công trình đúng thời gian thi công công trình theo Hợp đồng.

Bên B đảm bảo hoàn thành công trình: Trong thời gianngày (bao gồm toàn bộ ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ, tết) kể từ ngày khởi công trình.

Mọi nguyên nhân làm chậm tiến độ thi công như có những thay đổi về thiết kế, thay đổi yêu cầu kỹ thuật, hoặc các nguyên nhân do Bên A chậm tiến độ thực hiện các thủ tục nghiệm thu, tạm ứng, thanh toán và các lý do khách quan bất khả kháng khác thì phải được Ban kỹ thuật Bên A, Bên B xác nhận bằng



văn bản và ghi vào sổ nhật ký công trường. Khi đó Bên B có quyền kéo dài thời gian thi công đúng bằng thời gian mà văn bản xác nhận.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Bên A có trách nhiệm bàn giao mặt bằng cho Bên B thi công.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp điện nước thi công công trình trong giai đoạn thi công công trình.
- Thanh toán cho Bên B theo đúng điều khoản thanh toán quy định của hợp đồng này.
- Cử Giám sát kiểm tra và lập các biên bản nghiệm thu và xác nhận khối lượng công việc cho Bên B như theo quy định của hợp đồng này.
- Thông tin đại diện, phạm vi trách nhiệm của cán bộ giám sát của Bên A cho Bên B trước khi khởi công.
- Thông báo cho Bên B thời gian thi công trước tối thiểu 3 ngày để Bên B sắp xếp nhân sự. Nếu đến ngày thi công mà Bên A ko thể bàn giao mặt bằng thi công sẽ phải thanh toán toàn bộ chi phí nhân công có liên quan của Bên B cho ngày làm việc đó.
- Đảm bảo cho Bên B trong suốt quá trình thi công không bị các yếu tố ngoại cảnh ảnh hưởng đến tiến độ thi công như: tranh chấp với hàng xóm, ban quản lý tòa nhà, tổ dân phố... gây khó dễ trong việc thi công.
- Khi phương án thi công đã được thống nhất Bên A phải chịu mọi chi phí liên quan phát sinh liên quan ảnh hưởng đến thi công mà nằm ngoài các hạng mục đã được hai bên thống nhất trước đó.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Thực hiện thi công công trình theo thiết kế và báo giá đã được hai bên chấp thuận và bàn giao công trình không chậm hơn thời hạn quy định tại Hợp đồng này.
- Mọi sự thay đổi thiết kế, công việc thi công đều phải được Bên A chấp thuận mới được tiến hành thi công.
- Có trách nhiệm quản lý, đảm bảo an ninh, an toàn lao động trên công trình và vệ sinh môi trường, tuân thủ mọi nội quy, quy chế của chủ đầu tư, chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tai nạn lao động trên công trường.



- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình (trong trường hợp thi công sai thiết kế đã được duyệt).
- Toàn bộ công tác thi công, sửa chữa và hoàn thành công trình phải thực hiện sao cho không gây trở ngại, hư hỏng, tổn thất cho công trình công cộng và công trình kế cận.
- Bên B có trách nhiệm phối hợp cùng Bên A giải trình theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước khi có sự việc liên quan đến phạm vi công việc trong hợp đồng này.
- Tuân thủ theo các quy định của chủ đầu tư, bên A khi ra vào công trình.
- Chịu toàn bộ trách nhiệm về an toàn lao động cho công nhân làm việc trên công trường do mình quản lý.

Điều 5: Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình:

5.1. Điều kiện nghiệm thu:

- Tuân thủ theo đúng thiết kế đã được thông nhất.
- Tuân thủ các quy định về chất lượng công trình do nhà nước ban hành.
- Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

5.2. Cơ sở và hình thức nghiệm thu:

- Bên A, Bên B cùng tiến hành kiểm tra nghiệm thu. Các chỉ tiêu kỹ thuật phải được Bên A kiểm tra và chấp nhận theo đúng các tiêu chuẩn hiện hành. Bên B phải cử đại diện có thẩm quyền để tham gia nghiệm thu.
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

5.3. Thời gian nghiệm thu:

- Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu theo các điểm dừng kỹ thuật. Tất cả các khối lượng, hạng mục ngầm, khuất lắp phải được nghiệm thu kỹ thuật và xác nhận đầy đủ trước khi thi công các giai đoạn tiếp theo. Sau khi hoàn thành toàn bộ công trình sẽ tiến hành nghiệm thu chính thức.
- Khi hạng mục hoàn chỉnh đủ điều kiện nghiệm thu, Bên B báo cho Bên A bằng văn bản trước ít nhất 1 ngày trước ngày dự kiến bắt đầu tiến hành nghiệm thu. Sau khi kiểm tra hạng mục cần nghiệm thu đạt yêu cầu quy định thì Bên A sẽ tổ chức nghiệm thu trong thời gian không quá 1 ngày tính từ ngày Bên A nhận được văn bản đề nghị của Bên B.

5.4. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng:



- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong
- Đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng Việt Nam.

Điều 6: Bảo hành công trình:

- Thời gian bảo hành là **24** tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình (tùy theo từng hạng mục).
- Trong thời gian bảo hành, khi có sự cố xảy ra Bên B sẽ có mặt kiểm tra trong 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo bằng điện thoại / hoặc tin nhắn / hoặc email hoặc bằng văn bản của Bên A (trong giờ hành chính). Và sẽ khắc phục trong 03 ngày kể từ khi nhận được thông tin.
- Trong thời gian bảo hành công trình nếu có bất kì hư hỏng nào do lỗi của Bên A gây ra trong quá trình sử dụng thiết bị thì Bên A phải chịu chi phí sửa chữa. Sau khi hết thời gian bảo hành.

Điều 7: Giá trị hợp đồng:

**Giá trị hợp đồng tạm tính theo bản dự toán kèm theo: VNĐ.
(Không bao gồm thuế VAT 10%)**

(Bảng chữ:.....)

Giá Hợp đồng bao gồm tất cả các chi phí để thực hiện toàn bộ các nội dung công việc nêu tại Điều 1 của Hợp đồng.

Giá trị trên sẽ không thay đổi trong thời gian thực hiện Hợp đồng. Trừ các trường hợp sau:

- Có phát sinh tăng khối lượng ngoài hồ sơ thiết kế và ngoài bảng báo giá được các Bên A - B yêu cầu và xác nhận.
- Có phát sinh giảm khối lượng trong hồ sơ thiết kế hoặc trong bảng báo giá được các Bên A - B yêu cầu và xác nhận.
- Có sự thay đổi chủng loại vật liệu khác với bảng báo giá.
- Đơn giá trong bản dự toán của Bên B gửi cho Bên A là cơ sở để tính phát sinh tăng hoặc giảm sau này.

Mọi sự thay đổi nội dung của hợp đồng hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng đều phải được thực hiện bằng văn bản (bảng phụ lục hoặc biên bản bổ sung hợp đồng) và được sự đồng ý của các Bên A - B.

Trong trường hợp cần bổ sung hoặc thay đổi, Bên A sẽ có yêu cầu bằng văn bản cho Bên B. Chậm nhất trong thời gian 3 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản, Bên B sẽ thông báo bằng văn bản về các yêu cầu kỹ



thuật và chi phí phát sinh (nếu có) cho Bên A. Các yêu cầu kỹ thuật và chi phí phát sinh (nếu có) được các bên thống nhất sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B khi tiến hành quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Điều 8: Phương thức và điều kiện thanh toán

8.1. Phương thức thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đồng tiền giao dịch là đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

8.2. Điều khoản tạm ứng và thanh toán:

Tạm ứng hợp đồng

Đợt 1: Ngay sau khi ký hợp đồng thì Bên A sẽ đặt cọc cho Bên B 50% giá trị hợp đồng; số tiềnVNĐ.

(Bảng chữ:)

Đợt 2: Sau khi nghiệm thu công trình, bàn giao thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền còn lại của hợp đồng: VNĐ.

Bảng chữ:

(Đợt này có thể thay đổi giá trị nếu Bên A có thay đổi thiết kế, vật liệu so với thiết kế ban đầu. Các phần thay đổi đều phải có biên bản thống nhất giữa hai bên.)

8.3 Điều kiện thanh toán

Tương ứng với các lần thanh toán, Bên B phải có các chứng từ sau :

Biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng hoàn thành giai đoạn công việc có chữ ký của giám sát Bên A.

Công văn đề nghị thanh toán tương ứng với số tiền đề nghị thanh toán.

8.4 Thời hạn thanh toán: Trong các lần thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong thời gian 3 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ chứng từ hợp lệ theo Điều 8.2).

Điều 9: Bất khả kháng:

- Những tình huống xảy ra ngoài tầm kiểm soát của cả hai bên như hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh, hoạt động quân sự ở mọi dạng, làm cho một trong hai bên hoặc cả 2 bên không thể thực hiện một phần hay toàn phần nghĩa vụ do hợp đồng quy định sẽ được coi là tình huống bất khả kháng. Khi xảy ra tình huống bất khả kháng, thời gian hoàn thành công việc sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian xảy ra tình huống bất khả kháng. Tình



trạng vỡ nợ của bất cứ bên nào cũng không được coi là tình huống bất khả kháng.

- Bên A và Bên B càng sớm càng tốt, cố gắng hết sức loại bỏ tình huống bất khả kháng. Nếu trong vòng 05 (năm) ngày tình huống bất khả kháng không thể loại bỏ, các bên sẽ gặp gỡ tìm cách giải quyết có tính đến quyền lợi của mỗi bên.
- Các khó khăn về chế tạo sản xuất thiết bị như: thiếu vật tư, nguyên liệu, thiếu nhân công,..v không được coi như tình huống bất khả kháng và vì thế không thể giải phóng trách nhiệm của Bên B trong việc hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.

Điều 10. Gia hạn Hợp đồng

- Thời gian thực hiện Hợp đồng nêu tại Điều 2 của Hợp đồng chỉ được Bên A gia hạn trong các trường hợp sau:
- Trường hợp do lỗi của Bên A như thay đổi, điều chỉnh quy mô, tính chất dự án; đưa ra các chỉ dẫn sai lệch gây ảnh hưởng đến quá trình thực hiện công việc của Bên B.
- Các trường hợp bất khả kháng như mưa bão, thiên tai hoặc bị đình chỉ công tác do thủ tục xin cấp phép xây dựng.....
- Khi gặp một trong các trường hợp quy định nêu trên, trong vòng 05 ngày, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A, thông báo này phải nêu rõ nguyên nhân sự việc và đề xuất, kiến nghị với Bên A về khoảng thời gian thực hiện sẽ bị kéo dài so với quy định tại Điều 2 của Hợp đồng. Trường hợp trong thời hạn 05 ngày nêu trên mà Bên B không thông báo hoặc không có đề xuất kiến nghị gì thì Điều 2 của Hợp đồng vẫn được áp dụng. Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đề nghị gia hạn của Bên B mà Bên A không trả lời thì thời gian đề nghị kéo dài nêu trong thông báo của Bên B coi như đã được Bên A mặc nhiên chấp nhận.

Điều 11. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

- Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này hoặc do sự diễn giải về Hợp đồng sẽ được Bên A và Bên B cố gắng hết sức để giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải.
- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian tối đa là 20 ngày, bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu



đưa việc tranh chấp ra giải quyết bằng tòa án. Tòa án được các Bên lựa chọn là Tòa án kinh tế Thành Phố Hà Nội. Quyết định của Tòa án kinh tế Thành Phố Hà Nội sẽ là chung thẩm, buộc các Bên phải thi hành.

- Khi phân xử các tranh chấp phải dựa trên các điều khoản quy định của hợp đồng này và luật pháp của Việt Nam.
- Mọi chi phí liên quan đến việc kiện tụng và phân xử của Tòa án sẽ do bên thua kiện chịu.

Điều 12: Điều khoản chung:

- Thành phần của Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:
- Văn bản Hợp đồng;
- Các tài liệu kèm theo khác liên quan.
- Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp đồng sẽ được các Bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước về bảo mật.
- Hai Bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng.
- Hiệu lực của Hợp đồng:
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được đại diện của hai Bên ký, đóng dấu, và hoàn thiện hợp đồng.
- Hợp đồng sẽ kết thúc sau khi Bên B hoàn thành tất cả các công việc nêu ở Điều 1 và hai Bên thực hiện hoàn tất các thủ tục thanh toán, thanh lý Hợp đồng theo Luật định.
- Hợp đồng này được làm thành 02 bộ có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bộ, Bên B giữ 01 bộ ./.

Hà Nội, Ngày ... tháng ... năm 2024

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Hà Trọng Trung

